

## BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội,  
đảm bảo quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị  
6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024**

-----

### Phần thứ nhất

#### TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/HU, ngày 05/12/2023 của Huyện uỷ về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị năm 2024; Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc huyện nhà đã chủ động, quyết tâm cao trong lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ và đạt được những kết quả quan trọng trên các lĩnh vực, như sau:

#### I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

##### 1. Về lĩnh vực kinh tế

##### 1.1. Sản xuất nông nghiệp

- Ngay từ những ngày đầu, tháng đầu năm, Thường trực Huyện uỷ, Ban Thường vụ Huyện uỷ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo với quyết tâm chính trị cao nhất. Tổ chức Lễ phát động xuống đồng sản xuất vụ Đông - Xuân; hướng dẫn nhân dân gieo trồng, chăm sóc cây trồng vụ Đông - Xuân, chăm sóc và phòng chống dịch, bệnh cho cây trồng.

+ Vụ Đông xuân: Tổng diện tích gieo trồng được 1.062 ha, đạt 97% so với kế hoạch, tăng 1,9% so với cùng kỳ.

+ Vụ Hè thu: Đến nay, nhiều địa phương đã bắt đầu hướng dẫn nhân dân làm đất và xuống giống được 1.559 ha, đạt 94,1% so với kế hoạch.

Tổng sản lượng thực 06 tháng đầu năm ước đạt 4.355,5 tấn, đạt 23,4%KH và tăng 2% so với cùng kỳ.

- Hiện nay, diện tích sản xuất nông nghiệp theo hướng ứng dụng CNC là 1.099,3 ha (tăng 34% so với cùng kỳ năm 2023). Toàn huyện có 15 chuỗi liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm (tăng 36% so với cùng kỳ năm 2023); có 18 sản phẩm được công nhận OCOP 3 sao (tăng 200% so với cùng kỳ năm 2023).

- Tình hình sản xuất một số cây trồng chính:

+ Cây cà phê: Diện tích 12.506,1 ha, đạt 100% so với kế hoạch và tăng 2,1% so với cùng kỳ. Hiện nay, người dân đang tiến hành chăm sóc cây trồng sau thu hoạch.

+ Cây dâu tằm: Diện tích đạt 824,2ha (*trong đó trồng mới 82ha*), đạt 91,6% so với kế hoạch. Giá giao động từ 200.000 - 210.000 đồng/kg.

+ Cây sầu riêng: Diện tích 2.817 ha, trong đó: Diện tích cho sản phẩm 1.069 ha, tăng 993 ha, tương ứng tăng 54% so với cùng kỳ năm 2023. Sản lượng năm 2024 ước đạt trên 10.000 tấn.

+ Cây mắc ca: Diện tích đạt 1.642,5ha (*trong đó trồng mới 937ha*), tăng 3,8% so với KH, tăng 69,6% so với cùng kỳ. Hiện nay, mắc ca đang cho thu hoạch trái vụ 1, năng suất ước đạt 80 tạ/ha, giá giao động từ 40.000 - 45.000 đồng/kg; hiệu quả kinh tế đạt khoảng 320 - 360 triệu đồng/ha/năm.

- *Về công tác phòng chống hạn và phòng chống thiên tai:* Trong 6 tháng đầu năm 2024, tình hình thời tiết nắng hạn kéo dài, mực nước trên các sông, suối ao hồ xuống thấp, nguy cơ xảy ra thiếu nước tưới cho cây trồng. Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực Huyện ủy chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo ngành chuyên môn thường xuyên phối hợp với các địa phương rà soát nạo vét kênh, mương, thực hiện đồng bộ các giải pháp ứng phó, đảm bảo đủ nước phục vụ sản xuất. Nhờ đó, mùa khô 2023 - 2024 trên địa bàn huyện không xảy ra tình trạng thiếu nước sản xuất, thiếu nước trong sinh hoạt.

Đồng thời, chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện kích hoạt lại Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện; tổ chức kiểm tra, rà soát từng vị trí cụ thể những khu vực dễ xảy ra sạt lở trên địa bàn huyện để cấm biển cảnh báo nguy hiểm, hạn chế thiệt hại về tài sản cho người dân<sup>1</sup>.

- *Về chăn nuôi:* Phát triển ổn định; số lượng đàn có xu hướng tăng nhẹ. Công tác phòng chống dịch bệnh luôn được chú trọng; tính đến nay, tổng đàn gia súc là 14.196 con, bằng 99,4% so với cùng kỳ<sup>2</sup>; đàn gia cầm: 135,8 nghìn con, đạt 71,5% kế hoạch; Ong mật: có 760 đàn (thùng). Diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện 175 ha, trong đó diện tích nuôi cá nước lạnh 14,3 ha (*tăng 4,5ha so với cùng kỳ năm 2023*), sản lượng đạt trên 80 tấn/ha.

**1.2. Về công tác quản lý bảo vệ rừng:** Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực Huyện ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, tuyệt đối không được chủ quan, lơ là, mất cảnh giác. 06 tháng đầu năm, Thường trực Huyện ủy đã tổ chức 12 cuộc kiểm tra thực tế rừng tại các tiểu khu điểm nóng về phá rừng, lấn chiếm đất rừng và ban hành 30 văn bản chỉ đạo về lĩnh vực quản lý bảo vệ và phát triển rừng; chỉ đạo xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo tinh thần “*không có vùng cấm, không có ngoại lệ*”.

<sup>1</sup> Trong 6 tháng, trên địa bàn huyện xảy ra: 03 đợt lốc xoáy làm thiệt hại 0,68 ha nhà kính, tốc mái 13 căn nhà và xảy ra 02 đợt dông sét, thiệt hại tài sản của nhà nước khoảng 320 triệu đồng. Ước tính, tổng thiệt hại do thiên tai gây ra đến nay khoảng 2.405 triệu đồng.

<sup>2</sup> Trong đó: Đàn trâu: 175 con, bằng 97,2% KH, đàn bò: 5.880 con, tăng 4,5% KH, đàn lợn: 7.866 con, bằng 96,5% KH, đàn dê: 275 con, bằng 28,8% KH.

Tính đến ngày 24/6/2024, trên địa bàn huyện xảy ra 03 vụ cháy rừng, thiệt hại 2,1ha<sup>3</sup>; đã giải tỏa được 91,21 ha/209 vị trí lấn chiếm. Đã phát hiện và xử lý 08 vụ vi phạm Lâm luật (*giảm 02 vụ, tương ứng giảm 20%*); diện tích thiệt hại 30.835m<sup>2</sup> (*giảm 19.865m<sup>2</sup>, tương ứng giảm 39,18%*); khối lượng lâm sản thiệt hại 127,17m<sup>3</sup> (*giảm 205,24m<sup>3</sup>, tương ứng giảm 39,18%*). Kết quả xử lý: xử lý hình sự 04 vụ và xử lý hành chính 03 vụ, 01 vụ đang trong quá trình điều tra.

(Có phụ lục I kèm theo)

Chỉ đạo UBND huyện tổ chức Lễ phát động “Tết trồng cây nhân dịp kỷ niệm 134 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh” 1890 - 2024, trong ngày phát động đã trồng được 1.128 cây; đến nay, đã tổ chức trồng được 237.950 cây/1.197.000 cây xanh.

### **1.3. Về sản xuất công nghiệp, giao thông vận tải, thương mại, dịch vụ:**

- Tổng giá trị sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm (*theo giá so sánh*) đạt 163.256,3 triệu đồng, đạt 53,5% KH và tăng 0,5% so với cùng kỳ.

- Hoạt động vận tải tăng, cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa của người dân: Tổng doanh thu vận tải 6 tháng đầu năm đạt 159.556,1 triệu đồng, đạt 50,4% KH, tăng 19,9% so với cùng kỳ.

- Tổng doanh thu Bưu chính - Viễn thông 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 12.900 triệu đồng/26.585 triệu đồng, đạt 48,52% so với kế hoạch.

### **1.4. Tình hình doanh nghiệp và xây dựng cơ bản:**

- *Tình hình doanh nghiệp*: 06 tháng đầu năm 2024, có 14 doanh nghiệp đăng ký mới, nâng tổng số Doanh nghiệp toàn huyện có 222 doanh nghiệp.

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 là 234.892 triệu đồng (*đầu tư 126 công trình, dự án, gồm: 04 công trình thu hồi vốn ứng trước, 73 công trình chuyển tiếp và 49 công trình khởi công mới*); đến ngày 25/6/2024, giải ngân được 120.802,31 triệu đồng, đạt 51,43% kế hoạch vốn. Ước đến ngày 30/6/2024, giải ngân được 130.661 triệu đồng, đạt 55,63% kế hoạch vốn.

- *Tình hình triển khai thực hiện các dự án, công trình trọng điểm của huyện và các công trình, dự án theo Nghị quyết số 07-NQ/TU của BTV Tỉnh ủy.*

+ Công trình trọng điểm giai đoạn 2015 - 2020 tiếp tục triển khai giai đoạn 2020-2025 là 08 công trình, trong đó: Có 04 công trình, dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng<sup>4</sup>; còn lại 04 công trình, dự án đang tiếp tục triển khai thực hiện<sup>5</sup>.

+ Công trình trọng điểm, dự án ưu tiên đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 12/11/2021 của Ban

<sup>3</sup> Gồm: 01 vụ tại tiểu khu 238, xã Đa K'Nang, 01 vụ tại tiểu khu 65 và 01 vụ tại tiểu khu 66.

<sup>4</sup> Gồm: Công trình nước sạch xã Đa Rsal; Trường THCS Bàng Lăng (*Nay là trường THCS Võ Nguyên Giáp*); Đập thủy lợi Bàng Lăng; Nâng cấp đường ĐT724 đoạn từ Km64+509 đến Km71+170.

<sup>5</sup> Gồm: Đường cứu hộ, cứu nạn từ Quốc lộ 27 vào trung tâm xã Rô Men; Các hạng mục công trình thuộc Dự án tái định canh, định cư khu Đa M'Pô (TK176 - xã Liêng Srônh); 02 Dự án thu hút đầu tư: Xây dựng quản lý và khai thác chợ trung tâm huyện; Dự án Bến xe trung tâm huyện.

Thường vụ Tỉnh ủy: Tổng số 19 công trình, dự án, trong đó: Có 04 công trình, dự án đang triển khai<sup>6</sup>; 15 công trình, dự án chưa thực hiện<sup>7</sup>.

(Có phụ lục II, III kèm theo)

### **1.5. Về thu, chi ngân sách, hoạt động tín dụng:**

- Tổng thu ngân sách đến ngày 25/6/2024 là 57.652 triệu đồng/120.100 triệu đồng, đạt 48% kế hoạch, bằng 98% so với cùng kỳ; trong đó: Số huyện thu 32.910 triệu đồng/81.100 triệu đồng, đạt 41% kế hoạch, bằng 91% so với cùng kỳ (Thuế, phí và lệ phí là: 18.070 triệu đồng/37.000 triệu đồng đạt 49% kế hoạch, bằng 119% so với cùng kỳ; Thu tiền sử dụng đất, thuê đất là: 11.818 triệu đồng/35.000 triệu đồng, đạt 34% kế hoạch, bằng 74% so với cùng kỳ; Thu khác ngân sách là: 2.637 triệu đồng/7.900 triệu đồng, đạt 33% kế hoạch, bằng 61% so với cùng kỳ); số tỉnh thu trên địa bàn là: 24.743 triệu đồng/39.000 triệu đồng, đạt 63% kế hoạch, bằng 110% so với cùng kỳ.

Ước đến 30/6/2024, Tổng thu ngân sách thực hiện được 62.190 triệu đồng/120.100 triệu đồng, đạt 51,78% kế hoạch, bằng 105,78% so với cùng kỳ; trong đó: Số huyện thu 34.339 triệu đồng/81.100 triệu đồng, đạt 42,3% kế hoạch, bằng 94,87% so với cùng kỳ.

- Tính đến ngày 25/6/2024, tổng chi ngân sách địa phương đạt 274.210,717/518.042 triệu đồng, bằng 52,9% so với kế hoạch tỉnh giao. Ước đến 30/6/2024, tổng chi đạt 292.210,717/518.042 triệu đồng, bằng 56,5% so với kế hoạch..

c) Hoạt động tín dụng cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Tổng doanh số cho vay phát sinh là 1.215.054 triệu đồng/2.976 khách hàng; tổng dư nợ đạt 2.099.336,436 triệu đồng, tăng 51.108,621 triệu đồng so với đầu năm, tốc độ tăng 2,43%<sup>8</sup>.

### **1.6. Công tác quản lý đất đai và tài nguyên khoáng sản:**

Ban Thường vụ Huyện ủy, Thường trực Huyện ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo tăng cường, siết chặt công tác quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên, khoáng sản; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các trường hợp khai thác khoáng sản, đất đai, san gạt

<sup>6</sup> Gồm: Nâng cấp công trình nước sinh hoạt thôn 3,4,5 xã Rô men và thôn 1,2 xã Liêng Srônh; Công trình nước sinh hoạt Đạ Mul, Đạ K'Nàng; Đường giao thông ngoại vùng khu quy hoạch dân cư tự do khu vực TK 181 xã Liêng Srônh; Nâng cấp mở rộng đường liên xã Đạ Rsal - Đạ M'Rông.

<sup>7</sup> Gồm: Nhà thi đấu đa năng Trung tâm huyện; Xây dựng nhà máy nước thôn Phi Zút, Păng Pé Nâm, Păng Pé Dong, xã Đạ Rsal; Sắp xếp, ổn định dân cư tự do khu vực TK 181 xã Liêng Srônh; Đường giao thông ngoại vùng khu quy hoạch dân cư tự do 179 xã Liêng Srônh; Đường giao thông ngoại vùng khu quy hoạch dân cư tự do Tây Sơn xã Liêng Srônh; Hồ thủy lợi thôn Đạ Pin, xã Đạ K'Nàng; Nâng cấp Hồ Đạ Ri Ông - xã Rô Men; Nâng cấp công trình nước sinh hoạt thôn 1,2, xã Rô Men; Xây dựng Trường TH Đạ K'Nàng; Xây dựng đường từ Tỉnh lộ 722 vào thôn Đạ Ninh 1 + 2, xã Đạ Tông; Đường GTNT thôn 3 (Liên Hưng) đi khu dân cư tự do Đạ M'Pô, xã Liêng Srônh; Xây dựng Trường MN Bằng Lăng; Gia cố bờ sông Đạ Tể, xã Đạ M'Rông (Giai đoạn 2); Kè sạt lở đường vào khu quy hoạch Đạ M'Pô, xã Liêng Srônh; Xây dựng đường giao thông vào KSX thôn Lăng Tô, xã Đạ K'Nàng.

<sup>8</sup> Trong đó: Dư nợ ngắn hạn 1.328.982,562 triệu đồng, trung hạn đạt 764.558,874 triệu đồng và dài hạn đạt 5.795 triệu đồng.

mặt bằng trái phép theo quy định của pháp luật; kỷ luật, kỷ cương lĩnh vực này được giữ vững.

Trong 6 tháng đầu năm, cấp mới 273 giấy CNQSD đất với diện tích 89,9951 ha (*tăng 18 giấy CNQSD so với cùng kỳ*); giải quyết 197 hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất với diện tích 3,6883ha (*tăng 99 hồ sơ so với cùng kỳ*); giải quyết 15 hồ sơ xin san lấp, cải tạo mặt bằng để xây dựng nhà ở và sản xuất nông nghiệp (*so với cùng kỳ giảm 02 hồ sơ*). Đã xử lý 35 trường hợp vi phạm<sup>9</sup> với tổng số tiền phạt là 124,5 triệu đồng (*giảm 39 vụ tương đương 57,2% so với cùng kỳ*).

### **1.7. Quản lý quy hoạch, xây dựng:**

- Ngày 08/01/2024, huyện Đam Rông tổ chức Hội nghị công bố Quyết định số 1929/QĐ-UBND, ngày 06/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Đam Rông đến năm 2040.

- Hoàn thiện các đồ án Quy hoạch chung Thị trấn Đạ Rsal và Quy hoạch chung Thị trấn Bằng Lũng trình thẩm định, phê duyệt. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết 3 khu dân cư: Đạ Rsal, Đạ Tông, Phi Liêng và hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt chủ trương đầu tư để triển khai thực hiện.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, đã phê duyệt hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật 71 công trình<sup>10</sup>.

**1.8. Khoa học công nghệ:** Chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện tiếp tục thực hiện đề cương, nhiệm vụ về khoa học và công nghệ năm 2024 theo kế hoạch; phối hợp với cơ quan liên quan tạo lập, quản lý phát triển nhãn hiệu chứng nhận Sầu riêng Đam Rông theo thuyết minh đề cương được duyệt; đồng thời, tiếp tục triển khai 04 đề cương nhiệm vụ khoa học công nghệ năm 2024<sup>11</sup>.

### **2. Lĩnh vực văn hóa - xã hội:**

- Hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao diễn ra khá sôi nổi chào mừng ngày lễ lớn, sự kiện chính trị của đất nước, của địa phương. Công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc được quan tâm...

Chỉ đạo Ủy ban nhân huyện ban hành Kế hoạch số 47/KH-UBND về việc tổ chức các hoạt động kỷ niệm 20 năm Ngày thành lập huyện Đam Rông; yêu cầu mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương đăng ký 01 công trình, 01 phần việc cụ thể tham

<sup>9</sup> Trong đó: 30 trường hợp hủy hoại đất do san gạt mặt bằng trái phép; 02 trường hợp sử dụng đất sai mục đích; 01 trường hợp khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không phải xin giấy phép tại đất ở hộ gia đình; 02 trường hợp không thực hiện chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

<sup>10</sup> Gồm: 10 công trình dân dụng; 41 công trình giao thông; 04 công trình hạ tầng kỹ thuật; 03 công trình thủy lợi; 02 công trình công nghiệp; 03 đồ án quy hoạch chi tiết khu dân cư nông thôn xã; 08 đề cương nhiệm vụ và dự toán cấm mốc của đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng NTM 08 xã.

<sup>11</sup> Tạo lập, quản lý phát triển nhãn hiệu chứng nhận Dứa mật Đam Rông; xây dựng nhãn hiệu cho sản phẩm Bánh tráng làng Tây; giải ngân xây dựng nhà nuôi tằm tiên chế; nhân rộng mô hình trồng nấm linh chi; Trong đó dự án: xây dựng nhà nuôi tằm tiên chế và nhân rộng mô hình trồng nấm linh chi đã giải ngân.

gia hưởng ứng chào mừng Kỷ niệm 20 năm Ngày thành lập huyện, đến nay 100% cơ quan, đơn vị đăng ký thực hiện.

- 6 tháng đầu năm, có thêm 02 trường được công nhận trường đạt chuẩn quốc gia<sup>12</sup>, nâng tổng số trường chuẩn lên 31/36 trường; tham gia cuộc thi Khoa học - Kỹ thuật cấp quốc gia học sinh trung học, năm học 2023 - 2024 đạt giải nhất, hiện đang tham gia thi Quốc tế tại Mỹ. Tổ chức lễ tuyên dương - khen thưởng cho 89 em học sinh các cấp đạt thành tích trong các kỳ thi, hội thi cấp tỉnh, khu vực, quốc gia và quốc tế năm học 2023 - 2024<sup>13</sup>.

- Duy trì và nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Chủ động các phương án sẵn sàng nhân lực, thuốc, trang thiết bị bảo đảm khám, cấp cứu, điều trị cho người bệnh, hạn chế thấp nhất việc chuyển viện lên tuyến trên<sup>14</sup>. Đến nay, có 7/8 xã được công nhận xã đạt chuẩn Bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2030<sup>15</sup> (theo Quyết định số 1300/QĐ-BYT ngày 09/3/2023 của Bộ Y tế).

- Thông tin liên lạc được thông suốt, đảm bảo phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Tích cực triển khai Chính phủ điện tử, chuyển đổi số theo đúng yêu cầu đề ra.

- Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội: Chỉ đạo giải quyết kịp thời các chế độ chính sách ưu đãi cho các đối tượng thụ hưởng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Huy động từ nguồn lực của Nhà nước và xã hội hóa chăm lo cho các đối tượng, gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình thương bệnh binh, gia đình liệt sỹ và đối tượng bảo trợ xã hội trong dịp tết Nguyên đán Giáp Thìn được thực hiện kịp thời, đúng đối tượng, với tổng số tiền 5.993.175.000đ/11.658 lượt người.

- Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm được quan tâm: Trong 06 tháng đầu năm, tổ chức các lớp đào tạo nghề cho 780 lao động. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế toàn dân đạt 92%.

### **3. Công tác quốc phòng - an ninh**

- Lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ quốc phòng - an ninh tại địa phương; tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt triển khai công tác đảm bảo an ninh chính trị trên địa bàn huyện để đánh giá tình hình và triển khai nhiệm vụ trong thời gian đến, tuyệt đối không lơ là, bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Tổ chức việc tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ đảm (đạt 100% chỉ tiêu tỉnh giao).

<sup>12</sup> Cụ thể: Trường THCS Đa K'Nang; trường THPT Phan Đình Phùng.

<sup>13</sup> Trong đó: 05 em đạt HCV, 01 em đạt HCB, 01 đạt HCD và 02 em đạt giải khuyến khích cuộc thi quốc tế, khu vực; 03 em đạt HCV và 01 em đạt giải khuyến khích cuộc thi cấp quốc gia; 25 em đạt HCV, (giải nhất), 21 em đạt HCB (giải nhì), 23 em đạt HCD (giải ba) và 07 em đạt giải khuyến khích cuộc thi cấp tỉnh.

<sup>14</sup> Trong 6 tháng đầu năm, đã tổ chức khám, chữa bệnh cho 23.152 lượt người, trong đó: điều trị nội trú 1.745 bệnh nhân, điều trị ngoại trú 96 bệnh nhân và chuyển tuyến 1.266 bệnh nhân. Tổ chức kiểm tra đối với 43 cơ sở sản xuất chế biến, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống. Qua kiểm tra các cơ sở thực hiện tốt các quy định về VSATTP, không có cơ sở vi phạm; chưa xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm.

<sup>15</sup> Gồm các xã: Đa M'Rông, Đa Tông, Rô Men, Đa Rsal, Phi Liêng, Đa Long, Liêng Srônh.

- Chỉ đạo nắm bắt sát tình hình cơ sở, triển khai đồng bộ các giải pháp đấu tranh phòng, chống, ngăn chặn các loại tội phạm, tệ nạn xã hội; nhất là chỉ đạo tăng cường tuần tra, kiểm soát, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an toàn giao thông trên địa bàn huyện trước, trong và sau Tết Nguyên đán Giáp Thìn 2024, dịp lễ 30/4 và 01/5.

- 06 tháng đầu năm 2024 (từ ngày 16/12/2023 đến ngày 15/6/2024) trên địa bàn huyện xảy ra 09 vụ tai nạn giao thông (tăng 05 vụ, tương ứng với 125% so với cùng kỳ), làm 08 người chết (tăng 05 người, tương ứng với 167% so với cùng kỳ) và 07 người bị thương (tăng 05 người, tương ứng với 250% so với cùng kỳ). Qua tuần tra, kiểm soát, phát hiện lập biên bản xử phạt 1.378 trường hợp vi phạm Luật giao thông đường bộ với số tiền xử phạt 2.042.550.000đ.

#### **4. Tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia**

4.1. *Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới*: Ban Thường vụ Huyện ủy đã chỉ đạo ban hành Kế hoạch xây dựng Nông thôn mới để lãnh đạo, chỉ đạo trong toàn Đảng bộ, cuối năm 2023 huyện có 06/08 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 75% (tăng thêm 02 xã so với năm 2022)<sup>16</sup>; phân đầu cuối năm 2024, 02 xã Đa Long và Liêng Srônh về đích Nông thôn mới.

- Xây dựng huyện nông thôn mới đạt 5/9 tiêu chí với tổng số chỉ tiêu đạt là 28/36 chỉ tiêu huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

(Có phụ lục IV kèm theo)

- Tổng nguồn lực thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 1.462.040,2 triệu đồng, trong đó: nguồn vốn trực tiếp thực hiện Chương trình là 58.744,34 triệu đồng; nguồn vốn lồng ghép là 237.580,46 triệu đồng; nguồn vốn tín dụng (doanh số cho vay) là 1.215.054 triệu đồng/2.976 khách hàng. Đến ngày 25/6/2024, đã giải ngân 1.318.927,2 triệu đồng, đạt 90,2%.

4.2. *Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo nhanh và bền vững*: Cuối năm 2023 toàn huyện hiện còn: 1.701 hộ nghèo đa chiều, chiếm tỷ lệ 11,63%, trong đó: hộ nghèo 624 hộ, chiếm tỷ lệ 4,27%; hộ cận nghèo 1.077 hộ, chiếm tỷ lệ 7,36%. So với cuối năm 2022, tỷ lệ nghèo đa chiều giảm 7,67% (trong đó: hộ nghèo giảm 2,63%, hộ cận nghèo giảm 5,04%).

Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện tuyên truyền, vận động, lồng ghép các chương trình, dự án, hỗ trợ các mô hình sinh kế, xây dựng nhà ở cho hộ nghèo; triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Đến nay, hỗ trợ 78 mô hình sinh kế cho các hộ nghèo đa chiều với tổng trị giá 1,35 tỷ đồng; phối hợp triển khai hỗ trợ xây dựng 121 căn với tổng trị giá 6.101 triệu đồng.

<sup>16</sup> Trong đó: 04 xã nông thôn mới, 02 xã nông thôn mới nâng cao (Rô Men, Đa Rsal); 01 xã nông thôn mới kiểu mẫu về chuyển đổi số (xã Đa Rsal).

#### 4.3. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT - XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2030.

Tổng nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT - XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2030 năm 2024 là: 50.369 triệu đồng, đầu tư 27 công trình; đến nay, giải ngân được 30.174 triệu đồng, đạt 59,91% kế hoạch.

#### 5. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

a. Công tác chính trị tư tưởng: Tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền các chủ trương, nghị quyết của Đảng; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục chính trị tư tưởng; chủ động nắm bắt tình hình, kịp thời định hướng tư tưởng, dư luận xã hội; tăng cường đấu tranh, phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch. Triển khai thực hiện Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị (khóa XIII) tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và các quy định về nêu gương, đảm bảo thiết thực, hiệu quả<sup>17</sup>.

- Kịp thời ban hành Kế hoạch số 155-KH/HU, ngày 25/4/2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy để lãnh đạo quán triệt, tuyên truyền Chỉ thị 34-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; trong đó, đề cao tinh thần trách nhiệm, dám nghĩ, dám làm 3 điều ***“Nói đi đôi với làm, làm điều đúng vì lợi ích chung; Làm hết trách nhiệm, quyết tâm cao, tư duy đổi mới; Làm mang lại hiệu quả cao nhất, chất lượng tốt nhất”***; 4 điều cần tránh ***“Tránh làm sai, làm trái, tư lợi cá nhân; Tránh đùn đẩy, né tránh, sợ trách nhiệm; Tránh làm việc qua loa, đại khái, không mang lại hiệu quả; Tránh an phận thủ thường, dĩ hòa vi quý”***. Đến nay, 100% tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị tổ chức quán triệt, học tập và xây dựng các cụm pano tuyên truyền ***“3 điều cần làm”, “4 điều cần tránh”***. Chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng, các cơ quan, đơn vị, địa phương phát động phong trào thi đua trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động đăng ký thực hiện nội dung ***“3 điều cần làm, 4 điều cần tránh”***.

<sup>17</sup> Cụ thể: Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Báo cáo số 330-BC/HU, ngày 04/3/2024 về Tổng kết 10 năm thực hiện Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/03/2014 của Ban Bí thư ***“về việc tiếp tục đổi mới học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”***; Báo cáo số 328 -BC/HU, ngày 04/3/2024 về Tổng kết 15 năm thực hiện Chỉ thị số 38-CT/TW, ngày 07/9/2009 của Ban Bí thư về ***“Đẩy mạnh công tác bảo hiểm y tế trong tình hình mới”***; Báo cáo số 329 -BC/HU, ngày 04/3/2024 về Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị (Khóa XI) về ***“hội nhập quốc tế”***; Báo cáo số 336 -BC/HU, ngày 01/4/2024 Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 37-NQ/TW, ngày 9/10/2014 của Bộ Chính trị ***“về công tác lý luận và định hướng nghiên cứu đến năm 2030”***; Báo cáo số 338-BC/HU, ngày 01/4/2024 Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) về ***“Xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”*** trên địa bàn huyện Đam Rông; Báo cáo số 339 -BC/HU, ngày 01/4/2024 kết quả thực hiện Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị ***“Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”*** năm 2023 và quý I/2024; Báo cáo số 350 -BC/HU, ngày 08/5/2024 sơ kết 5 năm thực hiện Kết luận số 51-KL/TW sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.



- Tổ chức học tập, quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết 28-NQ/TU, ngày 06/12/2023; Nghị quyết 09-NQ/HU, ngày 05/12/2023 của Huyện ủy; chuyên đề “*học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh*” năm 2024. Đến nay, đã mở 18 lớp, với 2.356 cán bộ, đảng viên tham gia.

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Vùng 4 Hải quân tuyên truyền các chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về biển, đảo Việt Nam tại địa phương tại 3 cụm, với gần 1.000 người tham gia.

- Lãnh đạo, chỉ đạo nghiên cứu, biên soạn “*Lịch sử Đảng bộ huyện Đam Rông*” giai đoạn 2004 - 2024 bằng hình ảnh.

*b. Công tác tổ chức, cán bộ:*

- Kịp thời ban hành Kế hoạch số 142-KH/HU, ngày 04/3/2024 về khắc phục những hạn chế, khuyết điểm trong công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị năm 2023; các đồng chí Thường trực Huyện ủy, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy trực tiếp xuống dự sinh hoạt Đảng tại các chi bộ thôn. Công tác phát triển đảng được chú trọng, tính đến ngày 25/6/2024, đã kết nạp được 40 quần chúng ưu tú vào đảng (*đạt 70% kế hoạch được giao năm 2024*), chuyển đảng chính thức cho 25 đồng chí, nâng tổng số đảng viên trên địa bàn huyện là 1.811 đảng viên.

Tiếp tục chăm lo xây dựng thực lực chính trị cơ sở, phân công các đồng chí Thường trực Huyện ủy, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy về cùng sinh hoạt tại chi bộ các thôn.

- Chỉ đạo tổ chức Hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng. Tổng kết công tác xây dựng Đảng, nhiệm kỳ 2020 -2025 và tổng kết 15 năm thi hành Điều lệ Đảng (2011 -2025). Tổng kết 10 năm thực hiện Quy chế bầu cử trong Đảng.

- Ban hành Kế hoạch số 158-KH/HU, ngày 10/5/2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy Thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TU, ngày 20/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát huy tinh thần trách nhiệm, sự năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung của đội ngũ cán bộ, đảng viên, quyết tâm hoàn thành thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII. Đến nay, 100% tổ chức đảng đã xây dựng kế hoạch cụ thể hóa triển khai thực hiện.

Đề cao tinh thần trách nhiệm, năng động trong thực thi công vụ, gắn với thực hiện “*3 điều cần làm*”, “*4 điều cần tránh*”, bằng các phong trào cụ thể, phù hợp với nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương; yêu cầu tất cả các tổ chức đảng phải tổ chức cho cán bộ, đảng viên thực hiện việc đăng ký với các nội dung, phần việc cụ thể, dễ làm, dễ kiểm tra và dễ đánh giá chất lượng vào cuối năm.

- Lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý phục vụ cho Đại hội Đảng các cấp, nhiệm kỳ 2025 - 2030; ban hành Quyết định thành lập các Tiểu ban, Tổ giúp việc phục vụ, kế hoạch hoạt động, quy chế làm việc, thông báo phân công nhiệm vụ các thành viên Tiểu ban Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ V, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và văn bản giao biên chế các cơ quan tham mưu giúp việc, các tổ chức chính trị - xã hội năm 2024.

- Công tác bảo vệ chính trị nội bộ, chính trị hiện nay; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ luôn được quan tâm chỉ đạo<sup>18</sup>.

*c) Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng:* thực hiện tốt Chương trình kiểm tra, giám sát năm 2024; tổ chức quán triệt kịp thời các quy định của Trung ương, của tỉnh, của huyện về công tác kiểm tra, giám sát; triển khai thực hiện đảm bảo hiệu lực, hiệu quả, tạo sự chuyển biến rõ nét; kịp thời phát hiện, uốn nắn, chấn chỉnh, xử lý nghiêm những tổ chức đảng, đảng viên vi phạm, góp phần giữ vững kỷ luật, kỷ cương, giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng bộ, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị<sup>19</sup>.

*d) Công tác nội chính và phòng chống tham nhũng, tiêu cực:* Ban Thường vụ Huyện ủy lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; ban hành nhiều văn bản lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện, quyết liệt, kiên trì, đồng bộ, toàn diện, bài bản, với quyết tâm chính trị cao<sup>20</sup>. Các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án đã có sự phối hợp đồng bộ, đạt hiệu quả.

Tổ tham mưu về công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực huyện đã đi vào hoạt động nề nếp; ban hành quy chế làm việc, kế hoạch, quyết định

<sup>18</sup> 6 tháng đầu năm, Ban Thường vụ Huyện ủy kết luận tiêu chuẩn chính trị cho 68 trường hợp. Cũ 02 đồng chí đi học lớp Trung cấp LLCT hệ tập trung; 01 đồng chí đi bồi dưỡng quản lý cấp phòng.

<sup>19</sup> 6 tháng đầu năm, Ban Thường vụ Huyện ủy tiến hành kiểm tra đối với 11 tổ chức đảng và 09 đảng viên; giám sát chuyên đề đối với 02 tổ chức đảng và 02 đảng viên; xem xét, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng đối với 01 đảng viên. Các ban của Huyện ủy tiến hành kiểm tra 02 tổ chức đảng và 01 đảng viên. Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm đối với 02 tổ chức đảng và 02 đảng viên; giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện kê khai tài sản, thu nhập đối với 02 tổ chức đảng; kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản, thu nhập đối với 25 đảng viên; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đối với 06 tổ chức đảng; kiểm tra tài chính đảng đối với 03 tổ chức đảng. Toàn Đảng bộ huyện thi hành kỷ luật 02 tổ chức đảng, với các hình thức: khiển trách (01), cảnh cáo (01) và kỷ luật 09 đảng viên, với các hình thức: khiển trách (06), cảnh cáo (03). Việc xem xét, giải quyết các đơn thư phản ánh, kiến nghị đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

<sup>20</sup> Ban hành ban hành Quy chế làm việc và Quyết định phân công nhiệm vụ các thành viên của Tổ tham mưu về công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực huyện; Kế hoạch số 147-KH/HU, ngày 19/3/2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024 trên địa bàn huyện Đam Rông. Kế hoạch số 146-KH/HU, ngày 19/3/2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy về Thực hiện Quy định số 131-QĐ/TW, ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán. Kế hoạch số 145-KH/HU, ngày 19/3/2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy về thực hiện Quy định số 132-QĐ/TW, ngày 27/10/2023 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; Kế hoạch 141-KH/HU, ngày 04/3/2024 Ban Thường vụ Huyện ủy Thực hiện Quy định số 28-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ; Báo cáo số 334-BC/HU, ngày 29/3/2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy về Báo cáo kết quả khắc phục những hạn chế, khuyết điểm theo Thông báo kết luận số 78-TB/BCĐ, ngày 27/11/2023 của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh; Báo cáo số 345-BC/HU, ngày 30/4/2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy về kết quả thực hiện Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

phân công nhiệm vụ các thành viên cụ thể; lựa chọn một số vụ việc, vụ án để chỉ đạo, theo dõi.

- Công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo tiếp tục được chú trọng thực hiện; 6 tháng đầu năm, đồng chí Bí thư Huyện ủy tiếp công dân định kỳ 12 buổi/00 lượt người; toàn huyện tổng số lượt tiếp công dân là 42 lượt, số người được tiếp là 48 người; số vụ việc: 42 vụ (*tiếp lần đầu*); không có đoàn đông người<sup>21</sup>.

- Ban Thường vụ Huyện ủy ban hành Quy định 1477- QĐ/HU, ngày 16 tháng 4 năm 2024 “*về công tác tiếp dân, xử lý, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị gửi đến Ban Thường vụ, Thường trực Huyện ủy*”, Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị “*Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo*”; báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Quy định số 11-QĐi/TW, ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị “*Về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân*”.

e) *Công tác dân vận*: Tiếp tục được chú trọng lãnh đạo, tập trung nhiệm vụ dân vận chính quyền; bám sát cơ sở, đối thoại, tiếp xúc với nhân dân, lắng nghe nguyện vọng của nhân dân, kịp thời tham mưu cấp ủy giải quyết những nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Công tác dân tộc, tôn giáo được chăm lo đúng mức, thường xuyên. Tổ chức thành công Lễ ra quân công tác dân vận tập trung toàn tỉnh năm 2024 tại xã Đa Long. Hoạt động của các tôn giáo diễn ra bình thường; các chức sắc tôn giáo và nhân dân theo đạo đoàn kết, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng bộ, chính quyền các cấp. Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện tốt mô hình dân vận “*Ngày thứ 7 cùng nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới*” tại các xã trên địa bàn huyện.

Vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được phát huy; tỷ lệ tập hợp đoàn viên, hội viên đạt trên 70% (*vượt so với Nghị quyết*). Tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả mô hình dân vận “*Ngày thứ 7 cùng nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới*” tại các xã trên địa bàn huyện.

#### f) *Công tác xây dựng chính quyền, cải cách hành chính*

Chỉ đạo thực hiện tốt chủ trương sắp xếp lại tổ chức bộ máy chính quyền trong sạch, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả gắn với đề án vị trí việc làm, cơ cấu lại đội ngũ và tinh giản biên chế. Hoạt động hội đồng nhân dân các cấp thực

<sup>21</sup> Trong đó: Tiếp công dân thường xuyên 28 lượt/31 người (*Ban Tiếp công dân huyện tiếp 08 lượt/11 người, UBND các xã tiếp 20 lượt/20 người*); tiếp công dân của Thủ trưởng: 14 lượt/17 người (*Chủ tịch UBND huyện tiếp công dân định kì là 12 kỳ, qua đó có 04 lượt/07 người đăng ký làm việc với Chủ tịch UBND huyện*), Chủ tịch UBND các xã tiếp 10 lượt/10 người.

Kết quả tiếp nhận, phân loại, xử lý đơn thư: Tổng số đơn: 73 đơn, trong đó: 18 đơn kỳ trước chuyển qua; 55 đơn tiếp nhận trong kỳ; tổng số đơn thuộc thẩm quyền giải quyết là 68 đơn, đã giải quyết dứt điểm 62 đơn, còn 06 đơn phản ánh kiến nghị đang tiếp tục xem xét, giải quyết.

hiện đúng chức năng, nhiệm vụ. Hiệu lực, hiệu quả hoạt động chính quyền các cấp được nâng lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Chất lượng giải quyết thủ tục hành chính và dịch vụ công được cải thiện; đồng thời, tiếp tục triển khai Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của huyện để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Tăng cường họp, làm việc trực tuyến, xử lý hồ sơ trên môi trường mạng.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Ưu điểm**

Sáu tháng đầu năm 2024, với sự lãnh đạo sâu sát của Thường trực Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy, sự nỗ lực cố gắng của chính quyền, sự vào cuộc của các phòng, ban, ngành, đoàn thể và các tầng lớp nhân dân nên đã đạt được nhiều kết quả tích cực: Sản xuất nông nghiệp đảm bảo thời vụ; các vụ vi phạm Lâm luật giảm so với cùng kỳ (*giảm 02 vụ, tương ứng giảm 20%*); sản xuất công nghiệp, dịch vụ tiếp tục phát triển; các khoản chi ngân sách được đảm bảo đúng quy định. Các chương trình, dự án như: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc và miền núi giai đoạn 2021 - 2025, Đề án hỗ trợ phát triển sản xuất cho hộ nghèo trên địa bàn huyện, Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp tiếp tục được quan tâm triển khai, tạo chuyển biến trong phát triển kinh tế và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Lĩnh vực văn hóa - xã hội đạt được những kết quả tích cực; an sinh xã hội được đảm bảo. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững, không để xảy ra tình huống bị động, bất ngờ; các tôn giáo hoạt động đúng pháp luật. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị đạt yêu cầu.

### **2. Khó khăn, hạn chế**

1. Do thời tiết nắng nóng kéo dài và hệ thống mương thủy lợi hư hỏng, xuống cấp ảnh hưởng đến diện tích gieo trồng vụ Đông Xuân (*vụ Đông xuân năm 2023-2024 đạt 97% KH*). Kinh tế tiếp tục suy thoái, lạm phát, lãi suất ngân hàng vẫn ở mức cao dẫn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng; việc kêu gọi thực hiện các dự án thu hút đầu tư ngoài ngân sách bị hạn chế do doanh nghiệp khó khăn trong việc huy động, tiếp cận vốn đầu tư.

2. Cơ sở hạ tầng tuy đã được quan tâm đầu tư bằng nhiều nguồn vốn nhưng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, nhất là một số tuyến đường giao thông đối ngoại xuống cấp tiếp tục cản trở sự phát triển của địa phương (*QL 27, ĐT 722, 724...*). Nguồn ngân sách tỉnh ưu tiên đầu tư các dự án, công trình theo Nghị quyết 07-NQ/TU, ngày 12/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thấp, do đó chưa kích cầu sự phát triển nhanh của địa phương. Tình hình thu hút đầu tư gặp khó khăn; việc thực hiện các quy trình, thủ tục chậm (*phê duyệt quy hoạch 03 loại rừng, phê duyệt quy hoạch Thị trấn Bằng Lũng, Thị trấn Đa Rsal; các quy định*

*thủ tục giải ngân các Chương trình mục tiêu quốc gia...)* gây khó khăn cho địa phương trong thực hiện các nhiệm vụ tiếp theo.

Tiến độ triển khai các công trình, dự án trọng điểm chưa đảm bảo theo yêu cầu chỉ đạo của Ban Thường vụ Huyện ủy; thu ngân sách của huyện gặp khó khăn, nhất là thu từ nhà đất.

3. Công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, quản lý bảo vệ rừng tuy đã được quan tâm chỉ đạo tường xuyên, quyết liệt nhưng vẫn còn khó khăn (*6 tháng đầu năm, xảy ra 08 vụ vi phạm luật Lâm nghiệp*).

4. Thực hiện mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững còn nhiều khó khăn, nguồn lực đầu tư hạn chế, nguy cơ tái nghèo cao; đời sống một bộ phận nhân dân đồng bào dân tộc thiểu số còn khó khăn; ý thức vươn lên để thoát nghèo, tiết kiệm chi tiêu hợp lý trong đồng bào dân tộc thiểu số chuyển biến chậm. Một bộ phận nhân dân vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

5. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, an ninh nông thôn, vùng dân tộc thiểu số còn tiềm ẩn yếu tố khó lường, phức tạp: tình trạng người dân “*đòi về làng cũ*”, tình hình dân di cư tự do tại các tiểu khu 178, 179,... xã Liêng Srônh; tệ nạn ma túy; tai nạn giao thông tăng cả 03 tiêu chí.

6. Chuyển biến của công tác xây dựng Đảng ở các loại hình chất lượng chưa đều; hiệu quả làm việc và khả năng hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ, công chức nhìn chung chưa đồng đều cả ở cấp huyện và cấp xã; việc tuyển dụng nhân sự ở một số lĩnh vực gặp khó khăn (*quản lý bảo vệ rừng, xây dựng cơ bản, công nghệ thông tin, tài nguyên môi trường, nông nghiệp...*).

## **Phần thứ hai**

### **PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024**

Nhiệm vụ 6 tháng cuối năm hết sức nặng nề, đòi hỏi phải có sự quyết tâm cao hơn nữa để hoàn thành nhiệm vụ cả năm 2024; yêu cầu cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể từ huyện đến cơ sở tiếp tục lãnh đạo thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 09-NQ/HU, ngày 05/12/2023 của Huyện ủy về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị năm 2024.

#### **1. Về kinh tế - xã hội:**

- Lãnh đạo đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2024; tiến hành rà soát các chỉ tiêu chưa đạt hoặc còn khó khăn, đề ra các giải pháp để thực hiện với quyết tâm chính trị cao nhất hoàn thành 100% các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024; chỉ đạo triển khai thực hiện các khâu đột phá, công trình trọng điểm theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020 –

2025; làm tiền đề hoàn thành 21 chỉ tiêu theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra.

- Tiếp tục chuyển đổi giống cây trồng, vật nuôi phù hợp và phát huy lợi thế của từng tiểu vùng; triển khai nhân rộng một số mô hình đang mang lại hiệu quả kinh tế như: tái canh cây cà phê, cây ăn trái, trồng dâu nuôi tằm, trồng rau, hoa theo hướng công nghệ cao...; hỗ trợ các doanh nghiệp, người dân xây dựng các chuỗi liên kết, hợp tác xã giúp đỡ nhau trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; xây dựng các nhãn hiệu sản phẩm nông nghiệp (*dừa mật, sầu riêng, mắc ca...*). Chủ động ứng phó với diễn biến thất thường của mùa mưa năm 2024, hạn chế thấp nhất thiệt hại về tài sản, tính mạng của người dân.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện nghiêm các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh và của huyện về công tác quản lý bảo vệ rừng, như: Chỉ thị 13-CT/TW, Công văn số 2251-CV/TU ngày 07/02/2023, Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 17/02/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nghị quyết 06-NQ/HU của Huyện ủy...; bảo đảm giảm trên cả 3 mặt (*số vụ vi phạm, diện tích thiệt hại và mức độ thiệt hại*); phấn đấu giảm số vụ vi phạm lâm luật thấp hơn trung bình của tỉnh. Xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm “*không có vùng cấm*”, sai phạm đến đâu xử lý đến đó, nhất là các bộ, đảng viên liên quan.

- Tăng cường quản lý Nhà nước về đất đai, tài nguyên khoáng sản, quản lý quy hoạch, quản lý chặt chẽ đối với hoạt động nuôi cá nước lạnh, san gạt, cải tạo mặt bằng. Thường xuyên kiểm tra hoặc thanh tra đột xuất việc san gạt mặt bằng trái phép và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo đúng quy định.

- Hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo Nghị quyết đề ra (*cuối năm 2024: xã Đa Long, xã Liêng Srônh đạt 19/19 tiêu chí*), 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (*xã Đa K’Nàng*), 01 xã đạt Nông thôn mới kiểu mẫu; huyện cơ bản hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới.

- Tiếp tục kêu gọi đầu tư xây dựng Trạm dừng chân và khởi công dự án Trung tâm Thương mại, Bến xe Bằng Lăng; nối tuyến xe Buýt từ Đà Lạt - Phi Liêng - Bằng Lăng.

- Quản lý chặt chẽ hoạt động du lịch, nhất là du lịch mạo hiểm; xây dựng Đề án du lịch cộng đồng tại suối nước nóng xã Đa Long để triển khai thực hiện, tạo động lực phát triển du lịch tại địa phương.

- Chỉ đạo, đôn đốc các ngành, các địa phương đẩy mạnh công tác thu ngân sách nhà nước, chú trọng nuôi dưỡng nguồn thu, nhất là từ thuế, phí; thực hiện tốt quy chế phối hợp giữa các ngành, địa phương, đảm bảo đẩy nhanh tiến độ thu theo lộ trình từng tháng, quý; đồng thời, chi ngân sách hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm.

- Tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình chuyển tiếp; những công trình xây dựng cơ bản năm 2024 đã được

phê duyệt và giải ngân các nguồn vốn theo kế hoạch; bảo đảm đến ngày 31/01/2025, giải ngân đạt 100% theo kế hoạch.

- Triển khai hiệu quả các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao theo kế hoạch, tạo không khí vui tươi, phấn khởi chào mừng 20 năm thành lập huyện. Nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; tăng cường y tế dự phòng, thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh; chú trọng vệ sinh an toàn thực phẩm, nhất là tại các trường học bậc mầm non trên địa bàn huyện. Chỉ đạo rà soát tiến độ xây dựng trường chuẩn quốc gia theo kế hoạch; chuẩn bị tốt cho kỳ thi Tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2024 và năm học mới 2024 - 2025.

- Thực hiện hiệu quả 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện, huy động mọi nguồn lực tập trung cho công tác giảm nghèo, tạo sinh kế cho người dân giảm nghèo bền vững. Đến cuối năm 2024, tỷ lệ nghèo đa chiều giảm từ 3 - 4%; trong đó, giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 1 - 1,5% (*tương ứng giảm 146 - 219 hộ*), giảm tỷ lệ cận nghèo từ 2 - 2,5% (*tương ứng giảm 293 - 366 hộ*). Tổng số hộ thoát nghèo và cận nghèo từ 439 - 585 hộ.

## **2. Về quốc phòng - an ninh**

- Chủ động nắm tình hình, triển khai đồng bộ các biện pháp bảo đảm quốc phòng và an ninh chính trị, nhất là trong các sự kiện chính trị, các ngày lễ lớn của đất nước, của địa phương từ nay đến cuối năm 2024. Phải xem đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, các phòng, ban, đơn vị, địa phương; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc “*thôn giữ thôn, xã giữ xã, huyện giữ huyện*”. Chỉ đạo diễn tập phòng thủ 02 xã Đa Tông và Đa Long đạt kết quả.

- Chỉ đạo xây dựng phương án cụ thể khi có tình huống bất ổn, “*điểm nóng*” về an ninh chính trị; không để bị động, bất ngờ trước mọi tình huống. Có biện pháp cương quyết kéo giảm các vụ vi phạm giao thông.

## **3. Về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị:**

- Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước; các ngày lễ lớn, sự kiện chính trị quan trọng của đất nước, địa phương. Tăng cường đấu tranh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác các luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch. Bám sát cơ sở, nắm chắc tình hình, kịp thời thông tin, định hướng tư tưởng, dư luận xã hội. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm Nghị quyết Trung ương 4, (khóa XII); Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII); Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW “*Về đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”; các quy định trách nhiệm về nêu gương.

- Bám sát quy chế làm việc, các nguyên tắc, quy trình, quy định của Đảng để tổ chức thực hiện, đề cao tinh thần trách nhiệm, năng động trong thực thi công vụ, gắn với thực hiện “3 điều cần làm”, “4 điều cần tránh”, giữ vững kỷ luật, kỷ cương và giữ vững đoàn kết thống nhất, trước hết là trong Thường trực Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện.

- Tiếp tục sắp xếp, hoàn thiện tổ chức bộ máy, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức gắn với Đề án vị trí việc làm và tinh giản biên chế theo lộ trình, bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) và các văn bản liên quan.

- Triển khai hoạt động của các Tiểu ban, Tổ giúp việc chuẩn nội dung, Văn kiện Đại hội; hoàn thiện sơ bộ đề cương báo cáo chính trị, trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ V, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Chỉ đạo thực hiện tốt công tác rà soát, bổ sung quy hoạch Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và các chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt nhiệm kỳ 2020 - 2025, 2021 - 2026 và nhiệm kỳ 2025 - 2030, 2026 - 2031 gắn với công tác nhân sự Đại hội Đảng các cấp. Chỉ đạo công tác chuẩn bị Đại hội Đảng bộ cấp cơ sở và các chi bộ cơ sở trực thuộc nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Xây dựng và ban hành Chỉ thị về Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2025-2030, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

- Thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, chú trọng nắm vấn đề chính trị hiện nay; làm tốt công tác rà soát, thẩm định, thẩm tra, xác minh và kết luận tiêu chuẩn chính trị đối với cán bộ, đảng viên, phục vụ công tác chuẩn bị đại hội, công tác cán bộ và phát triển đảng viên mới.

- Hoàn thành Chương trình kiểm tra, giám sát năm 2024; chủ động hướng dẫn nghiệp vụ, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc nâng cao chất lượng, hiệu lực các cuộc kiểm tra, giám sát ở cơ sở. Chỉ đạo khắc phục hạn chế, khuyết điểm theo kết luận của các đoàn kiểm tra của Trung ương và của tỉnh năm 2023. Tổ chức thực hiện công tác kiểm tra, giám sát phục vụ đại hội đảng các cấp; thực hiện tốt công tác giải quyết tố cáo, khiếu nại, kỷ luật đảng.

- Nâng cao hoạt động các cơ quan nội chính, tư pháp, công tác kiểm tra, giám sát, nhất là ở một số lĩnh vực nhạy cảm dễ phát sinh tiêu cực; xử lý nghiêm minh các hành vi sai phạm, nhất là liên quan đến cán bộ, đảng viên.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện hiệu quả năm dân vận chính quyền; thực hiện tốt Quy chế dân chủ cơ sở. Chủ động bám, nắm địa bàn, tiếp xúc, đối thoại, kịp thời giải quyết những khó khăn, bức xúc, kiến nghị chính đáng của nhân dân. Tăng cường nắm bắt tình hình dân tộc, tôn giáo, tình hình một số hộ dân thôn 4-xã Đa Long đi về “làng cũ”, tham mưu cấp ủy chỉ đạo kịp thời. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong thực hiện đại đoàn kết dân tộc. Tiếp



tục triển khai thực hiện hiệu quả các cuộc giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, chính quyền địa phương.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của HĐND các cấp. Đổi mới, nâng cao năng lực quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là thủ tục hành chính. Xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số.

**Nơi nhận:**

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Các ban và Văn phòng Tỉnh ủy,
- Đ/c Nguyễn Bình Sơn - UVBTVTU,
- Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh,
- TT HU, HĐND và UBND huyện,
- Các ban và Văn phòng Huyện ủy,
- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện,
- Các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Lưu Văn phòng Huyện ủy.

**T/M HUYỆN ỦY  
PHÓ BÍ THƯ**

**Đa Cát K'Hương**

## PHỤ LỤC

**Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu, nhiệm vụ về KT – XH, QP-AN, XDD 6 tháng đầu năm 2024 theo Nghị Quyết số 09-NQ/HU ngày 05/12/2023 của Huyện ủy**  
(Kèm theo Báo cáo số 372 -BC/HU ngày 28 tháng 6 năm 2024 của BTVHU)

-----

Stt	Chỉ tiêu Nghị quyết số 09-NQ/HU ngày 05/12/2023 của Huyện ủy về mục tiêu, nhiệm vụ phát triển KT - XH, bảo đảm quốc phòng - an ninh năm 2024	Ước đến ngày 30/6/2024	So với cùng kỳ năm 2023
1	Tổng giá trị sản xuất theo giá so sánh đạt 4.270.260 triệu đồng, trong đó: - Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản 2.019.112,4 triệu đồng; - Công nghiệp - xây dựng 914.488,9 triệu đồng; - Thương mại - dịch vụ 1.336.658,7 triệu đồng.	Ước thực hiện 01 lần vào cuối năm	
2	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội phân đầu đạt 1.925.100 triệu đồng;	Ước thực hiện 01 lần vào cuối năm	
3	Tổng thu ngân sách nhà nước do huyện thu 83.000 triệu đồng; trong đó, thuế phí 37.000 triệu đồng, thu từ nhà đất 36.500 triệu đồng, thu khác ngân sách 9.500 triệu đồng.	Tổng thu ngân sách nhà nước huyện 34.339 triệu đồng, đạt 42,3% so với NQ. Trong đó: Thuế, phí và lệ phí 16.953 triệu đồng, đạt 45,8% so với NQ; Thu tiền sử dụng đất, thuê đất 13.520 triệu đồng, đạt 38,6% so với NQ; Thu khác ngân sách thực hiện được 3.381 triệu đồng, đạt 42,7% so với NQ.	Tổng thu ngân sách huyện thu bằng 94,87%. Trong đó: Thuế, phí và lệ đạt 111,2%; Thu tiền sử dụng đất, thuê đất đạt 85,06%; Thu khác ngân sách đạt 78,81%;
4	Tổng sản lượng lương thực đạt trên 17.898 tấn.	Ước thực hiện 01 lần vào cuối năm	
5	Tỷ lệ hộ được nghe đài truyền thanh và xem truyền hình đạt trên 98,5%	Tỷ lệ hộ được nghe đài truyền thanh và xem truyền hình ước đạt trên 98,5%, đạt 100% so với NQ	Đạt 100%
6	<b>Giảm tỷ lệ tăng dân số tự</b>	Ước thực hiện 01 lần vào	

	nhiên xuống dưới 1,3%	cuối năm (tự nhiên, đến nay tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn xuống 1,36%, đạt 95,6% so với NQ)	
7	Tạo việc làm mới cho khoảng 1.500 lao động	Tạo việc làm mới cho 780 lao động, đạt 52% so với NQ	Tăng 18,6%
8	Tỷ lệ nghèo đa chiều giảm từ 3% - 4% (trong đó Hộ nghèo giảm từ 1 - 1,5%, Hộ cận nghèo giảm từ 2 - 2,5%)	Đánh giá 01 lần vào cuối năm	
9	Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (thể thấp còi) xuống 21,45%;	Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (thể thấp còi) xuống 21,1%, Đạt và vượt 4,2% so với NQ.	Đạt và vượt 4,2%
10	Có thêm 02 Xã: Đa Long, Liêng Srôngh đạt chuẩn nông thôn mới; 01 xã Đa K'Nang đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; cơ bản hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới.	Hiện đang triển khai thực hiện; đánh giá kết quả vào cuối năm; riêng về các tiêu chí và chỉ tiêu huyện nông thôn mới đến nay đã hoàn thành 5/9 tiêu chí và 29/36 chỉ tiêu	
11	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế toàn dân trên 93,65%;	Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế toàn dân đạt 92%, đạt 98,2% so với NQ	Tăng 1,76%
12	Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện trên 99,2%;	Tỷ lệ số hộ dân được sử dụng điện ước đạt 99,2%, đạt 100 % so với NQ	Tăng 0,2%
13	Giữ vững 96,2% (51/53) thôn đạt chuẩn thôn văn hóa; phần đầu đạt từ 95% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa; phần đầu 85,5% hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa	Có 96,2% (51/53) thôn đạt chuẩn thôn văn hóa, đạt 100% so với NQ; 95,4% cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa, đạt và vượt 0,4% so với NQ; 88,4% hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa, đạt và vượt 3,4% so với NQ	Có 96,2% (51/53) thôn đạt chuẩn thôn văn hóa, đạt 100%; 88,4% hộ gia đình đạt chuẩn văn hóa, đạt và vượt 3,4%.
14	Có 31/36 trường đạt chuẩn Quốc gia, đạt tỷ lệ 86% (tăng thêm 02 trường đạt chuẩn quốc gia so với năm 2023); gồm: 29/32 trường MN, TH, THCS đạt chuẩn, đạt tỉ lệ 90,6% (tăng thêm	Có 31/36 trường đạt chuẩn Quốc gia, đạt tỷ lệ 86% (tăng thêm 02 trường đạt chuẩn quốc gia so với năm 2023); gồm: 29/32 trường MN, TH, THCS đạt chuẩn, đạt tỉ lệ 90,6%	Trường trường MN, TH, THCS, THPT đạt chuẩn Quốc gia, đạt 100%

	<i>trường THCS Đa K'Nàng); 2/4 trường THPT đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 50% (tăng thêm trường THPT Phan Đình Phùng)</i>	<i>(tăng thêm trường THCS Đa K'Nàng), đạt 100% so NQ; 2/4 trường THPT đạt chuẩn, đạt tỷ lệ 50% (tăng thêm trường THPT Phan Đình Phùng), Đạt 100% so với NQ</i>	
15	Duy trì độ che phủ rừng 63,67% trở lên.	Đầu năm 2024 là 63,61%, đạt 99,99% so với NQ	Bằng 97,8%
16	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt trên 93,5%	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt trên 93,5%, đạt 100% so với NQ	Đạt 100%
17	Đảng bộ huyện hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; 80% tổ chức cơ sở đảng, tập thể lãnh đạo, quản lý các cấp hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; trên 80% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ; kết nạp 70 đảng viên trở lên;	Kết nạp được 45 đảng viên, đạt 64,2% so với NQ	
18	Các đoàn thể chính trị - xã hội tập hợp đoàn viên, hội viên đạt 70% trở lên	Vượt so với chỉ tiêu NQ	

PHỤ LỤC I: BIỂU: SO SÁNH ĐẾN NGÀY 24/6/2024 SO VỚI CÙNG KỲ 24/6/2023  
(Kèm theo Báo cáo số 372 -BC/HU, ngày 28/6/2024 của BTVHU)

STT	Địa phương, đơn vị	Tính đến 24/6/2023			Tính đến 24/6/2024			So sánh tăng (+) giảm (-)					
		Số vụ (vụ)	Thiệt hại		Số vụ (vụ)	Thiệt hại		Số vụ (vụ)	Tỷ lệ (%)	Lâm sản thiệt hại		Thiệt hại do phá rừng	
			Lâm sản (m <sup>3</sup> )	DT phá rừng (m <sup>2</sup> )		Lâm sản (m <sup>3</sup> )	DT phá rừng (m <sup>2</sup> )			Lâm sản (m <sup>3</sup> )	Tỷ lệ (%)	DT phá rừng (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)
1	Xã Đạ K'Nàng	1		2,460				-1		0.000		-2,460	
2	Xã Phi Liêng	5	315.364	48,240	3	107.66	6,785	-2		-207.709	-66	-41,455	-86
3	Xã Liêng S'rôngh	2	16.442		1		4,848	-1		-16.442	-100	4,848	
4	Xã Rô Men	1			1		16,300	0		0.000		16,300	100
5	Xã Đạ R'sal							0		0.000		0	
6	Xã Đạ M'rông	1	0.607		1	3.24	1,920	0		2.633	434	1,920	
7	Xã Đạ Tông				1	8.433		1		8.433		0	
8	Xã Đạ Long				1	7.842	982	1		7.842		982	
Tổng cộng		10	332.41	50,700	8	127.17	30835	-2	-20.00	-205.24	-61.74	-19,865	-39.18

Ghi chú: 01 vụ phá rừng TK 197, xã Liêng Srôngh, LS thiệt hại 4.128 cây Lồ ô.

PHỤ LỤC II: TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024, TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐAM RÔNG

Số liệu cập nhật tính đến 14h20' ngày 25 tháng 6 năm 2024

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên công trình/Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2024			Nhân dân đối ứng	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2024			Tỷ lệ chung	Ghi chú
				Số quyết định, ngày tháng năm	Tổng số	Tổng số vốn được giao	Giá trị giải ngân			Tổng số	Giải ngân	Tỷ lệ %		
							Tổng số	Tỷ lệ						
1	2	3	4	5	6	10=11+12	11	12	13	14	15	16	17	18
	TỔNG CỘNG				724,305	234,892	120,802.31	51.43	2,209	20,658	227.49	1.10	47.36	
	Khối xã				130,152	51,766	38,571.10	74.51	2,209	-	-		74.51	-
I	UBND xã Rô Men				12,985	5,069	4,716.05	93.04	257	-	-		93.04	
*	Công trình chuyển tiếp				8,700	3,141	3,017.07	96.06	-	-	-		96.06	
1	Đường rừng sao đi thôn 3 đoạn nối tiếp	Rô Men	2023-2024	15/QĐ-UBND ngày 15/02/2023	2,000	528	474.71	89.93					89.93	
2	Đường trước mặt nhà ông Sác lên cầu sắt thôn 4	Rô Men	2023-2025	32/QĐ-UBND ngày 28/02/2023	2,500	1,000	973.01	97.30					97.30	
3	Đường từ thôn ra nghĩa địa thôn 5	Rô Men	2023-2025	141/QĐ-UBND ngày 13/7/2023	3,000	1,213	1,202.11	99.10					99.10	
4	Làm đường vào nghĩa địa thôn 1 (đoạn nối tiếp)	Rô Men	2023-2025	263/QĐ-UBND ngày 27/02/2023	1,200	400	367.24	91.81					91.81	
*	Khởi công mới				4,285	1,928	1,698.98	88.12	257.00	-	-		88.12	
5	Đường vào khu sản xuất thôn 3 xã Rô Men	Rô Men	2024	20/QĐ-UBND ngày 24/01/2024	1,285	1,028	808.61	78.66	257.00				78.66	
6	Đường lên bể nước sạch thôn 2, xã Rô Men	Rô Men	2024-2025	113/QĐ-UBND ngày 18/01/2024	3,000	900	890.38	98.93					98.93	
II	UBND xã Phi Liêng				19,378	6,770	3,436.04	50.75	255	-	-		50.75	
*	Công trình chuyển tiếp				11,915	3,142	1,288.53	41.01	-	-	-		41.01	
1	Xây dựng đường vào khu sản xuất xóm nhà ông Đại thôn Trung Tâm	Phi Liêng	2023-2024	05/QĐ-UBND ngày 16/01/2023	2,500	251		-					-	
2	Xây dựng công viên Trung tâm cụm xã Phi Liêng	Phi Liêng	2023-2024	73/QĐ-UBND ngày 17/01/2023	3,500	1,500		-					-	
3	Xây dựng nhà bộ phận một cửa và kho lưu trữ UBND xã Phi Liêng	Phi Liêng	2023-2024	863/QĐ-UBND ngày 30/5/2023	1,950	641	538.53	84.01					84.01	
4	Xây dựng đường vào khu sản xuất thôn Đơng Glê, xã Phi Liêng	Thôn Đơng Glê, xã Phi Liêng	2023-2025	03/QĐ-UBND ngày 02/01/2023	3,965	750	750	100					100	
*	Khởi công mới				7,463	3,628	2,147.51	59.19	254.84	-	-		59.19	
6	Xây dựng hệ thống mương thoát nước từ QL27 thôn Trung tâm vào thôn Păng Sim	Phi Liêng	2024-2025	31/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	3,680	2,000	1,121.64	56.08					56.08	
7	XD đường vào khu nhà ông K'Rát thôn Liêng Đơng	Phi Liêng	2024	49/QĐ-UBND ngày 29/3/2024	1,283	1,028	437.88	42.60	254.84				42.60	
8	Đường điện cuối đường thôn Păng Sim	Phi Liêng	2024-2025	139/QĐ-UBND ngày 23/01/2024	2,500	600	587.98	98.00					98.00	
III	UBND xã Liêng Srônh				16,983	6,752	6,532.56	96.75	-	-	-		96.75	
*	Công trình chuyển tiếp				8,600	1	2,452	2,232.66	91.04	-	-		91.04	

STT	Tên công trình/Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2024			Nhân dân đối ứng	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2024			Tỷ lệ chung	Ghi chú
				Số quyết định, ngày tháng năm	Tổng số	Tổng số vốn được giao	Giá trị giải ngân			Tổng số	Giải ngân	Tỷ lệ %		
							Tổng số	Tỷ lệ						
1	2	3	4	5	6	10=11+12	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Nâng cấp đường GTNT thôn 4	Liêng Srônh	2023-2024	12/QĐ-UBND ngày 13/02/2023	1,000	52	50.32	96.25					96.25	hết NV chi
2	Đường GTNT vào xóm Sre nhắc, thôn 2	Liêng Srônh	2023-2025	11/QĐ-UBND ngày 13/02/2023	4,000	1,500	1,404.93	93.66					93.66	
3	Xây dựng sân, hàng rào, đường vào Hội trường thôn 2, xã Liêng Srônh	Liêng Srônh	2023-2025	398/QĐ-UBND ngày 20/3/2023	800	200	185.50	92.75					92.75	hết NV chi
4	Xây dựng sân, hàng rào, đường vào Hội trường thôn 4, xã Liêng Srônh	Liêng Srônh	2023-2025	92/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	800	200	180.73	90.37					90.37	hết NV chi
5	XD phòng tiếp dân, bộ phận một cửa UBND xã Liêng Srônh	Liêng Srônh	2023-2025	266/QĐ-UBND ngày 27/02/2023	2,000	500	411.18	82.24					82.24	hết NV chi
*	Khởi công mới				8,383	4,300	4,299.90	100.00	-	-	-		100.00	
6	Đường GTNT vào xóm SRE nhắc, thôn 2 (nối tiếp)	Liêng Srônh	2024-2025	17/QĐ-UBND ngày 19/01/2024	2,300	1,500	1,500.00	100.00					100.00	
7	Nâng cấp, sửa chữa đường GTNT thôn 1, xã Liêng Srônh	Liêng Srônh	2024-2025	16/QĐ-UBND ngày 19/01/2024	3,083	1,500	1,500.00	100					100	
8	Đường giao thông nhánh rẽ khu dự án 327	Liêng Srônh	2024-2025	146/QĐ-UBND ngày 24/01/2024	2,000	900	899.90	99.99					99.99	
9	Xây dựng đường GTNT thôn 5 (Nối tiếp)	Liêng Srônh	2024-2025	136/QĐ-UBND ngày 23/01/2024	1,000	400	400.00	100.00					100.00	
IV	UBND xã Đạ Tông				14,333	5,626	4,827.50	85.81	-	-	-		85.81	
*	Công trình chuyển tiếp				10,450	3,818	3,629.03	95.04	-	-	-		95.04	
1	Đường từ cầu Mê Ka vào khu sản xuất Mê Ka	Đạ Tông	2023-2024	14/QĐ-UBND ngày 06/02/2023	3,750	1,750	1,678.84	95.93					95.93	
2	Nối tiếp đường GT từ Phân trường Mầm non thôn N'tôi	Đạ Tông	2023-2024	36/QĐ-UBND ngày 28/02/2023	1,300	284	242.33	85.21					85.21	
3	Đường nội thôn Đạ Kao 2, xã Đạ Tông	Đạ Tông	2023-2024	25/QĐ-UBND ngày 21/02/2023	3,000	1,200	1,143.04	95.25					95.25	
4	Xây dựng sân, cổng, hàng rào nhà văn hóa thôn Liêng Trang 1, xã Đạ Tông	Đạ Tông	2023-2024	93/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	800	247	234.19	94.81					94.81	
5	Xây dựng sân, cổng, hàng rào nhà văn hóa thôn Liêng Trang 2, xã Đạ Tông	Đạ Tông	2023-2024	91/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	800	250	249.94	99.98					99.98	
6	Xây dựng sân, cổng, hàng rào nhà văn hóa thôn Đạ Cao 2, xã Đạ Tông	Đạ Tông	2023-2024	186/QĐ-UBND ngày 17/02/2023	800	87	80.69	92.75					92.75	
*	Khởi công mới				3,883	1,807	1,198.47	66.31	-	-	-		66.31	
7	Nối tiếp đường GT thôn Mê Ka đi thôn Ntôi, xã Đạ Tông	Đạ Tông	2024-2025	11/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	2,083	1,007	689.01	68.41					68.41	
8	Đường từ nghĩa địa thôn Liêng Trang 2 vào khu dân cư	Đạ Tông	2024-2025	10/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	1,000	500	257.40	51.48					51.48	
9	Xây dựng hàng rào nhà văn hoá thôn N'Tôi	Đạ Tông	2024-2025	128/QĐ-UBND ngày 19/01/2024	800	300	252.06	84.02					84.02	
V	UBND xã Đạ Rsal				19,457	8,777	7,329.55	83.51	740	-	-		83.51	
*	Công trình chuyển tiếp				13,229	4,402	4,320.30	98.14	-	-	-		98.14	
1	XD mương thoát nước đường xóm ông Khánh, thôn Liên Hương	Đạ Rsal	2024-2025	78/QĐ-UBND ngày 17/01/2023	1,500	800	779.49	97.44					97.44	

STT	Tên công trình/Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2024			Nhân dân đối ứng	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2024			Tỷ lệ chung	Ghi chú
				Số quyết định, ngày tháng năm	Tổng số	Tổng số vốn được giao	Giá trị giải ngân			Tổng số	Giải ngân	Tỷ lệ %		
							Tổng số	Tỷ lệ						
1	2	3	4	5	6	10=11+12	11	12	13	14	15	16	17	18
2	XD đường thoát nước đường vào nhà văn hóa thôn Liên Hương	Đạ Rsal	2024-2025	77/QĐ-UBND ngày 17/01/2023	800	200	199.55	99.78					99.78	
3	Xây dựng nối tiếp đường ông Đáp thôn Phi Cỏ, xã Đạ Rsal	Đạ Rsal	2024-2025	74/QĐ-UBND ngày 17/01/2023	1,500	887	883.89	99.65					99.65	
4	Xây dựng lưới điện nhánh rẽ nối tiếp tại thôn Tân Tiến	Đạ Rsal	2024-2025	111/QĐ-UBND ngày 19/01/2023	1,500	500	442.37	88.47					88.47	
5	Đường vào khu sản xuất mỏ đá thôn Pang Pê Năm	Đạ Rsal	2023-2025	1083/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	2,500	665	665.00	100					100	
6	Đường vào khu dân cư thôn Phi Jút	Đạ Rsal	2023-2025	1085/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	2,500	650	650.00	100					100	
7	Đường vào khu sản xuất dốc tức thôn Pang Pê Năm	Đạ Rsal	2023-2025	1084/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	1,500	350	350.00	100					100	
8	XD đường vào khu sản xuất thôn Pang Pê Năm	Thôn Pang Pê Năm, xã Đạ Rsal	2023-2025	1089/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	1,429	350	350.00	100					100	
*	Khởi công mới				6,228	4,375	3,009.25	68.78	740.00	-	-		68.78	
9	Xây dựng đường vào nhà ông Các thôn Liên Hương	Đạ Rsal	2024	24/QĐ-UBND ngày 19/01/2024	1,200	960	711.01	74.06	240.00				74.06	
10	Xây dựng đường bên hông nhà nghỉ Tuấn Vượng thôn Tân tiến	Đạ Rsal	2024	25/QĐ-UBND ngày 19/01/2024	1,000	800	505.00	63.13	200.00				63.13	
11	Xây dựng đường vào xóm ông Hoàng thôn Liên Hương	Đạ Rsal	2024-2025	23/QĐ-UBND ngày 19/01/2024	1,500	887	503	56.75	300.00				56.75	
12	Xây dựng đường thoát nước đường vào xóm chùa thôn Liên Hương	Đạ Rsal	2024	22/QĐ-UBND ngày 19/01/2024	1,028	1,028	794.00	77.24					77.24	
13	XD nối tiếp đường vào xóm cây Gạo thôn Phi Cỏ	Đạ Rsal	2024-2025	114/QĐ-UBND ngày 18/01/2024	1,500	700	495.86	70.84					70.84	
VI	UBND xã Đạ M'Rông				10,783	3,818	3,076.53	80.58	-	-	-		80.58	
*	Công trình chuyển tiếp				5,500	1,618	1,290.09	79.73	-	-	-		79.73	
1	Sửa chữa, nâng cấp Hội trường Liêng Krắc 1	Đạ M'Rông	2023-2024	26/QĐ-UBND ngày 23/02/2023	1,500	500	387.38	77.48					77.48	
2	Đường ra cánh đồng thôn Tu la	Đạ M'Rông	2023-2025	39/QĐ-UBND ngày 03/3/2023	2,000	618	402.71	65.16					65.16	
3	Đường giao thông nội cánh đồng Chuối Liêng Krắc 2	Đạ M'Rông	2023-2025	29/QĐ-UBND ngày 03/3/2023	2,000	500	500.00	100.00					100.00	
*	Khởi công mới				5,283	2,200	1,786.44	81.20	-	-	-		81.20	
4	Đường vào khu SX Dơng Piêr	Đạ M'Rông	2024-2025	20/QĐ-UBND ngày 24/01/2024	2,200	700	700.00	100					100	
5	Xây dựng lưới điện nhánh rẽ vào khu dân cư trên địa bàn xã Đạ M'Rông	Đạ M'Rông	2024-2025	24/QĐ-UBND ngày 29/01/2024	3,083	1,500	1,086.44	72.43					72.43	
VII	UBND xã Đạ Long				17,483	3 8,542	4,807.42	56.28	-	-	-		56.28	



STT	Tên công trình/Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2024			Nhân dân đối ứng	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2024			Tỷ lệ chung	Ghi chú
				Số quyết định, ngày tháng năm	Tổng số	Tổng số vốn được giao	Giá trị giải ngân			Tổng số	Giải ngân	Tỷ lệ %		
							Tổng số	Tỷ lệ						
1	2	3	4	5	6	10=11+12	11	12	13	14	15	16	17	18
*	Công trình chuyển tiếp				8,400	2,817	1,928.58	68.47	-	-	-		68.47	
1	Xây dựng đường vào khu nghĩa trang và xây dựng cổng, hàng rào nghĩa trang thôn 2,3 Đạ Long	Đạ Long	2023-2024	05/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	3,200	617	494.13	80.11					80.11	
2	Kiên cố hoá thủy lợi Đơng Briêng	Đạ Long	2023-2025	32/QĐ-UBND ngày 07/3/2023	2,000	1,000	261.20	26.12					26.12	
3	Xây mới nhà đoàn thể và phòng tiếp dân xã Đạ Long	Đạ Long	2023-2024	109/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	3,200	1,200	1,173.25	97.77					97.77	
*	Khởi công mới				9,083	5,725	2,878.84	50.28	-	-	-		50.28	
4	Xây dựng hệ thống thoát nước đường từ Trường THCS - Trạm Lâm Trường Đạ Long (nối tiếp nhánh bên trái).	Đạ Long	2024-2025	14/QĐ-UBND ngày 22/01/2024	2,500	1,559	804.41	51.59					51.59	
5	Đường GTNT từ nhà Bà Cơ Liêng K'Chú đến điểm nhóm thôn 1 xã Đạ Long	Đạ Long	2024-2025	22/QĐ-UBND ngày 25/01/2024	3,500	2,666	1,109.77	41.63					41.63	
6	Xây dựng đường vào khu sản xuất tiểu khu 65, xã Đạ Long	Đạ Long	2024-2025	13/QĐ-UBND ngày 22/01/2024	3,083	1,500	964.66	64.31					64.31	
VIII	UBND xã Đạ K'Nàng				18,750	6,412	3,845.45	59.97	957	-	-		59.97	
*	Công trình chuyển tiếp				12,965	2,881	2,490.90	86.46	-	-	-		86.46	
1	Đường nhánh rẽ vào khu sản xuất nhà ông Nhậ thôn Đạ Pin	Đạ K'Nàng	2023-2024	10/QĐ-UBND ngày 16/01/2023	1,000	166	165.83	99.85					99.85	
2	Đường nối tiếp ngã ba sông nhánh vào nhà ông Lê Bá Long thôn Đạ Pin	Đạ K'Nàng	2022-2024	147/QĐ-UBND ngày 28/8/2023	2,000	65	11.12	17.11					17.11	
3	Xây dựng hội trường, sân, hàng rào thôn Pul	Đạ K'Nàng	2023-2024	101/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	1,500	800	485.30	60.66					60.66	
4	Đường liên xóm Dao thôn Păng Pá	Đạ K'Nàng	2023-2024	90/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	1,500	300	287.78	95.93					95.93	
5	Xây dựng hội trường, hàng rào thôn Đạ Sơn	Đạ K'Nàng	2023-2024	100/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	1,500	300	299.33	99.78					99.78	
6	Đường GTNT vào khu sản xuất Lãng Tô nhánh 2	Đạ K'Nàng	2023-2024	89/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	1,500	500	491.54	98.31					98.31	
7	Đường vào khu sản xuất thôn Pul, xã Đạ K'Nàng	Thôn Pul, xã Đạ K'Nàng	2023-2025	09/QĐ-UBND ngày 06/01/2023	3,965	750	750	100					100	
*	Khởi công mới				5,785	3,531	1,354.55	38.36	957.00	-	-		38.36	
8	Làm mới đường vào xóm 1 thôn Trung Tâm	Đạ K'Nàng	2024-2025	22/QĐ-UBND ngày 19/02/2024	2,000	1,034	514.11	49.72	400.00				49.72	
9	Đường vào khu sản xuất Bãi Dầu thôn Trung Tâm (Nối tiếp)	Đạ K'Nàng	2024-2025	23/QĐ-UBND ngày 19/02/2024	1,500	869	504.88	58.10	300.00				58.10	
10	Đường từ nhà ông M Bon Ha Măng tới suối vào khu sản xuất thôn Đạ K'Nàng.	Đạ K'Nàng	2024	21/QĐ-UBND ngày 19/02/2024	1,285	1,028		-	257.00				-	

STT	Tên công trình/Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2024			Nhân dân đối ứng	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2024			Tỷ lệ chung	Ghi chú
				Số quyết định, ngày tháng năm	Tổng số	Tổng số vốn được giao	Giá trị giải ngân			Tổng số	Giải ngân	Tỷ lệ %		
							Tổng số	Tỷ lệ						
1	2	3	4	5	6	10=11+12	11	12	13	14	15	16	17	18
11	Làm mới đường giao thông vào xóm 3 thôn Trung Tâm	Đạ K'Nàng	2024-2025	138/QĐ-UBND ngày 23/01/2024	1,000	600	335.56	55.93					55.93	
IX	Ban QLDA ĐTXD&CTCC				559,289	170,506	74,094.71	43.46	-	20,625	194.49	0.94	38.87	Dưới mức BQ
*	Công trình chuyển tiếp				382,985	87,930	33,843.82	38.49	-	20,625	194.49	0.94	31.36	
1	Xây dựng thêm phòng làm việc Hạt Kiểm lâm huyện	Liêng Srônh	2023 - 2024	232/QĐ-UBND ngày 24/01/2023	2,500	1,368.09	1,368.00	99.99					99.99	
2	San gạt mặt bằng, xây bờ kè, hàng rào và nhà bảo vệ Trường MN Đạ M'Rông	Đạ M'Rông	2023-2024	178/QĐ-UBND ngày 17/02/2023	2,500	1,200	1,200.00	100					100	
3	Kho lưu trữ UBND huyện Đam Rông	Rô Men	2023-2024	264/QĐ-UBND ngày 27/02/2023	1,500	451.91	432.49	95.70					95.70	
4	Xây dựng khu hành chính, phòng học bộ môn; hệ thống PCCC và cổng, hàng rào Trường Tiểu học Đa Kao	Đạ Tông	2023-2024	458/QĐ-UBND ngày 24/3/2023	8,000	2,847	1,265.07	44					44	Giảm, do thanh toán tạm ứng
5	Đền bù, san gạt, GPMB dự án khu dân cư Đông Nam (gđ 2)	Rô Men	2018			1,000	1,000	100					100	
6	Đền bù, san gạt, GPMB xây dựng công trình Trường THCS Lê Hồng Phong	Đạ Rsal	2019			799	798.73	100					100	
7	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xây dựng dự án: Khu dân cư Đạ Mul, xã Đạ K'Nàng (Tiền đền bù)	Đạ K'Nàng	2021			465	465.43	100					100	
8	Xây dựng đường giao thông vào khu sản xuất Đơng Chơ Rông	Đạ Tông	2017-2020			1,000	1,000	100					100	
9	XD Hồ thủy lợi Chiềng M'Nom 2, xã Đạ Long, huyện Đam Rông	Đạ Long	2021-2023	2275/QĐ-UBND ngày 08/9/2021	20,000	4,500	133.25	2.96					2.96	
10	Xây dựng đường nội thị thuộc quy hoạch chung thị trấn Bắg Lắg (giai đoạn 1)	Rô Men	2022-2024	142/QĐ-UBND ngày 20/01/2022	88,500	17,394		-		3,496		0	-	
11	Nâng cấp các công trình cấp nước sinh hoạt tại thôn 3, thôn 4, thôn 5 xã Rô Men và thôn 1, thôn 2 xã Liêng Srônh, huyện Đam Rông	Rô Men và Liêng Srônh	2023-2025	2148/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	25,584	8,000	2,334.07	29.18					29.18	
12	Đường từ Trung tâm huyện đi quốc lộ 27	Rô Men	2021-2024	2591/QĐ-UBND ngày 22/10/2021	105,895	10,895	361.13	3.31					3.31	Không được kéo dài
13	Đường giao thông vào khu sản xuất Đơng Ju	Đạ M'Rông	2022-2025	2113/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	10,000	2,000	1,879.00	93.95					93.95	
14	Đường vào khu sản xuất Đơng Plắg	Đạ M'Rông	2022-2025	211/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	10,000	2,000	1,235.22	61.76					61.76	
15	Đường GTNT khu dân cư di Nghĩa địa xã Đạ Long	Xã Đạ Long	2022-2025	2180/QĐ-UBND ngày 25/10/2022	14,950	3,300	3,300.00	100					100	

STT	Tên công trình/Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2024			Nhân dân đối ứng	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2024			Tỷ lệ chung	Ghi chú
				Số quyết định, ngày tháng năm	Tổng số	Tổng số vốn được giao	Giá trị giải ngân			Tổng số	Giải ngân	Tỷ lệ %		
							Tổng số	Tỷ lệ						
1	2	3	4	5	6	10=11+12	11	12	13	14	15	16	17	18
16	Xây dựng: nối tiếp từ suối nước nóng Tiểu khu 37 đến khu sản xuất Tiểu khu 38 - nối tiếp đường từ cầu Đa Xí vào khu sản xuất Đa Xí, xã Đa Tổng	Xã Đa Tổng	2022-2025	2214/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	14,990	3,300	3,300.00	100					100	
17	Đường GTNT Đa Linh đi Tây Sơn, xã Liêng Srônh	Xã Liêng Srônh	2022-2025	2244/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	14,950	3,300	3,137.02	95.06					95.06	
18	Đường giao thông ngoại vùng khu quy hoạch dân di cư tự do khu vực TK 181 xã Liêng Srônh	Xã Liêng Srônh	2023-2025	2272/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	30,000	12,000	2,513.00	20.94					20.94	
19	Đường giao thông vào khu sản xuất Dong A	Xã Đa M'Rông	2023-2025	270/QĐ-UBND ngày 27/02/2023	5,000	1,200	902.00	75.17					75.17	
20	Làm đường và cầu sắt từ TK72 đến Boh Băng	Xã Đa Long	2023-2025	233/QĐ-UBND ngày 24/02/2023	4,500	1,200	1,198.90	99.91					99.91	
21	Nâng cấp kênh chính công trình thủy lợi TK 72	Đạ Long	2023-2024	353/QĐ-UBND ngày 09/3/2023	909.698	366	350.10	95.66					95.66	
22	Đường từ cầu Mê Ka vào nghĩa địa Mê Ka	Xã Đa Tổng	2023-2025	117/QĐ-UBND ngày 02/02/2023	1,250	750	552.64	73.69					73.69	
23	XD mương thoát nước đường N'Tôi - Mê Ka	Xã Đa Tổng	2023-2025	267/QĐ-UBND ngày 27/02/2023	1,000	600	576.05	96.01					96.01	
24	Đường từ ngã 3 Đa Ninh 2 vào khu dân cư Đa Ninh 1	Xã Đa Tổng	2023-2025	176/QĐ-UBND ngày 16/02/2023	1,300	900	1,079.00	119.89					119.89	
25	Đường vào khu sản xuất Đa Xí nhánh 2	Xã Đa Tổng	2023-2025	234/QĐ-UBND ngày 24/02/2023	5,000	1,894	1,894.00	100					100	
26	Đường nhánh rẽ Đa Tổng	Xã Liêng Srônh	2023-2025	265/QĐ-UBND ngày 27/02/2023	2,000	600	600.00	100					100	
27	Dự án 2: Dự án bố trí, ổn định dân cư vùng đặc biệt khó khăn Tiểu khu 72, xã Đa Long, huyện Đam Rông									430		0	-	
28	Xây dựng đường cứu hộ, cứu nạn từ QL 27 vào Trung tâm xã Rô Men, huyện Đam Rông									12,660		0	-	
29	XD đường giao thông vào Khu dân cư Liêng Trang 1,2 và đường ĐT.722 vào khu SX Pơ Păng xã Đa Tổng									102		0	-	
30	Nâng cấp, sửa chữa và xây dựng một số hạng mục thuộc trụ sở Huyện ủy, UBND huyện Đam Rông									106		0	-	
31	Đầu tư xây dựng 04 trường đạt chuẩn quốc gia tại xã Phi Liêng và xã Đa K'nang huyện Đam Rông									346		0	-	
32	XD đường liên xã từ xã Rô Men đi xã Liêng Srônh									3,290		0	-	
33	Xây dựng Trường phổ thông DTNT THCS huyện Đam Rông.	Xã Rô Men	2022-2025	2212/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	12,656	4,600	968.73	21.06		194	194	100	24.26	
*	Khởi công mới				176,304	82,575	40,250.88	48.74	-	-	-		48.74	

STT	Tên công trình/Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2024			Nhân dân đối ứng	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2024			Tỷ lệ chung	Ghi chú
				Số quyết định, ngày tháng năm	Tổng số	Tổng số vốn được giao	Giá trị giải ngân			Tổng số	Giải ngân	Tỷ lệ %		
							Tổng số	Tỷ lệ						
1	2	3	4	5	6	10=11+12	11	12	13	14	15	16	17	18
28	Đường Đạ Plung (Cầu số 7)	Đạ M'Rông	2024-2025		7,000	4,000		-					-	
29	Xây dựng đường nhánh rẽ Đạ R'bung thôn 3, Liêng Srônh	Liêng Srônh	2024	195/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	4,000	4,000	1,174.49	29.36					29.36	
30	Mở rộng và nâng cấp công trình thủy lợi khu 200	Đạ K'Nàng	2024-2025		4,000	2,000		-					-	
31	Nâng cấp công trình Thủy lợi Đạ Tông 2	Đạ Tông	2024	226/QĐ-UBND ngày 02/02/2024	1,500	1,500	407.00	27.13					27.13	
32	Nâng cấp công trình Thủy lợi Pó Păng	Đạ Tông	2024-2025		4,000	2,190		-					-	
33	Nâng cấp công trình thủy lợi Đạ Xế 1	Đạ M'Rông	2024	509/QĐ-UBND ngày 03/04/2024	5,000	5,000	410.00	8.20					8.20	
34	XD đập dâng Chăng Hung	Đạ Long	2024		2,000	2,000	189.20	9.46					9.46	
35	Xây dựng công trình nước sinh hoạt thôn Dong Glê, xã Phi Liêng	Phi Liêng	2024-2025	2781/QĐ-UBND ngày 29/12/2023	3,250	1,002	1,002	100					100	
36	Xây dựng Trung tâm hỗ trợ dịch vụ nông nghiệp	Đạ Tông	2024-2025	137/QĐ-UBND ngày 23/01/2024	1,000	600	345.23	57.54					57.54	
37	Công trình nước sinh hoạt thôn Đạ Mul, Đạ K'Nàng	Đạ K'Nàng	2024-2025	62/QĐ-UBND ngày 11/01/2024	3,500	1,300	1,249.00	96.08					96.08	
38	QH bãi rác 3 xã Đầm Ròn - Hạng mục: Đường giao thông vào bãi rác và chi phí đền bù GPMB.	Đạ M'Rông	2024-2025	2623/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	3,600	1,302	920.54	70.68					70.68	
39	QH bãi rác 2 xã Phi Liêng, Đạ K'Nàng - Hạng mục: Đường giao thông vào bãi rác và chi phí đền bù GPMB.	Phi Liêng	2024-2025	2624/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	5,500	1,700		-					-	
40	Đường Hồ Đạ Chao đi thôn Tân Tiến (đoạn 1)	Đạ Rsal	2024-2025	263/QĐ-UBND ngày 25/12/2023	5,000	1,500	1,461.00	97.40					97.40	
41	Xây dựng Trường THCS Liêng Trang - Hạng mục: 08 phòng học bộ môn	Đạ Tông	2024-2025	357/QĐ-UBND ngày 08/3/2024	7,500	4,000	2,585.48	64.64					64.64	
42	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Đạ Rsal - Đạ M'Rông	Đạ Rsal - Đạ M'Rông	2024-2025	2207/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	110,000	46,427	29,094.64	62.67					62.67	
43	Công trình cấp nước sinh hoạt thôn 1, thôn 3 xã Đạ Long	Đạ Long	2024-2025		3,000	1,200		-					-	
44	Công trình cấp nước sinh hoạt thôn Đạ Ninh 1, 2 xã Đạ Tông	Đạ Tông	2024-2025		3,000	1,200		-					-	
45	Công trình cấp nước sinh hoạt các thôn Tu La, Đạ Xế, và Liêng K'Rắc1, Đạ La xã Đạ M'Rông	Đạ M'Rông	2024-2025	601/QĐ-UBND ngày 22/4/2024	3,000	1,200	977.08	81.42					81.42	
46	Di dời, nâng cấp hệ thống đường ống nước sinh hoạt thôn 4, xã Liêng Srônh	Liêng Srônh	2024	142/QĐ-UBND ngày 23/01/2024	454	454	435.21	95.86					95.86	
X	Phòng GD&ĐT				7,700	3,338	3,171.56	95.01	-	-	-		95.01	
*	Công trình chuyển tiếp				7,700	3,338	3,171.56	95.01	-	-	-		95.01	
1	Làm nhà bảo vệ, sửa chữa, nâng cấp hàng rào, sân, hệ thống thoát nước tổng thể trường TH Đạ Long	Đạ K'Nàng	2023-2024	97/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	1,800	758	614.24	81.03					81.03	

STT	Tên công trình/Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2024			Nhân dân đối ứng	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2024			Tỷ lệ chung	Ghi chú
				Số quyết định, ngày tháng năm	Tổng số	Tổng số vốn được giao	Giá trị giải ngân			Tổng số	Giải ngân	Tỷ lệ %		
							Tổng số	Tỷ lệ						
1	2	3	4	5	6	10=11+12	11	12	13	14	15	16	17	18
2	Sửa chữa, nâng cấp hàng rào, sân, hệ thống thoát nước tổng thể trường THCS Đạ M'Rông	Đạ K'Nàng	2022-2024	99/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	2,900	1,500	1,477.32	98.49					98.49	
3	San gạt mặt bằng sân thể thao, xây dựng và di dời hàng rào, nâng cấp sân Trường THCS Đạ K'Nàng	Đạ K'Nàng	2023-2024	98/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	3,000	1,080	1,080.00	100					100	
XI	Phòng Kinh tế và Hạ tầng				1,000	1,000	160.00	16.00	-	-	-		16.00	
*	Khởi công mới				1,000	1,000	160.00	16.00	-	-	-		16.00	
1	Xây dựng nhãn hiệu cho sản phẩm "Bánh trắng làng Tày"	Phi Liêng	2024	346/QĐ-UBND ngày 07/3/2024	400	400	80.00	20.00					20.00	
2	Tạo lập, quản lý, phát triển nhãn hiệu "Dừa Mật Đam Rông"	Đam Rông	2024	345/QĐ-UBND ngày 07/3/2024	600	600	80.00	13.33					13.33	
XII	Phòng Nông nghiệp và PTNT				4,000	992	742.94	74.86	-	-	-		74.86	
*	Công trình chuyển tiếp				4,000	992	742.94	74.86	-	-	-		74.86	
1	Nâng cấp đập tạm Brông Rết, xã Rô Men	Rô Men	2023-2024	106/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	4,000	992	742.94	74.86					74.86	
XIII	Ban QLRPH Sê Rê Pók				2,500	900	790.00	87.78	-	-	-		87.78	
*	Công trình chuyển tiếp				1,500	500	493.00	98.60	-	-	-		98.60	
1	Sửa chữa trụ sở Ban QLRPH Sê Rê Pók	Liêng Srônh	2023-2024	227/QĐ-UBND ngày 24/02/2023	1,500	500	493.00	98.60					98.60	
*	Khởi công mới				1,000	400	297.00	74.25	-	-	-		74.25	
2	Xây dựng Trạm QLBR Đạ Tông	Đạ Tông	2024-2025	85/QĐ-UBND ngày 15/01/2024	1,000	400	297.00	74.25					74.25	
XIV	Ban QLRPH Phi Liêng				1,000	400	395.25	98.81	-	-	-		98.81	
*	Công trình chuyển tiếp				1,000	400	395.25	98.81	-	-	-		98.81	
1	Xây dựng chốt QLBR Tiểu khu 212 đường đi Tây Sơn - Hạng mục: Nhà, sân, cổng, hàng rào, đường lên và nhà vệ sinh)	Phi Liêng	2023-2024	151/QĐ-UBND ngày 10/02/2023	1,000	400	395.25	98.81					98.81	
XV	Trung tâm GDNN-GDTX				1,000	200	199.698	99.85	-	-	-		99.85	
*	Công trình chuyển tiếp				1,000	200	199.698	99.85	-	-	-		99.85	
1	Sửa chữa khối 04 phòng học lý thuyết, 04 phòng học thực hành Trung tâm GDNN - GDTX huyện	Rô Men	2023-2024	59/QĐ-UBND ngày 12/01/2023	1,000	200	199.698	99.85					99.85	
XVI	Công an huyện				1,200	500	423.73	84.75	-	-	-		84.75	
*	Công trình chuyển tiếp				1,200	500	423.73	84.75	-	-	-		84.75	
1	Phòng tiếp dân, đăng ký xe ô tô, mô tô và xử lý vi phạm giao thông	Rô Men	2023-2024	79/QĐ-UBND ngày 17/01/2023	1,200	500	423.73	84.75					84.75	
XVII	Trung tâm VH, TT&TT				500	500	492.33	98.47	-	-	-		98.47	
*	Khởi công mới				500	500	492.33	98.47	-	-	-		98.47	
1	Xây dựng hàng rào Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện	Rô Men	2024	135/QĐ-UBND ngày 23/01/2024	500	500	492.33	98.47					98.47	
XVIII	Phòng Lao động TB&XH				12,967	2,728	1,761.00	64.55	-	33	33	100	64.98	
*	Công trình chuyển tiếp				12,967	8	2,728	1,761.00	64.55	-	33	33	100	64.98

STT	Tên công trình/Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2024			Nhân dân đối ứng	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2024			Tỷ lệ chung	Ghi chú
				Số quyết định, ngày tháng năm	Tổng số	Tổng số vốn được giao	Giá trị giải ngân			Tổng số	Giải ngân	Tỷ lệ %		
							Tổng số	Tỷ lệ						
1	2	3	4	5	6	10=11+12	11	12	13	14	15	16	17	18
1	Giải quyết tình trạng thiếu nhà ở	Đam Rông	2021-2025	189/KH-UBND ngày 29/9/2023	12,967	2,728	1,761.00	64.55		33	33	100	64.98	
XIX	Phòng Văn hóa và Thông tin				2,997	2,062	-	-	-	-	-		-	Xin trả vốn
*	Công trình chuyển tiếp				2,997	2,062	-	-	-	-	-		-	
1	Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển KT-XH và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Đam Rông	2021-2025	1644/QĐ-UBND ngày 21/9/2023	2,997	2,062		-					-	Xin trả vốn

TỔNG HỢP THEO TỪNG NGUỒN VỐN														
STT	Tên công trình/Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2024			Nhân dân đối ứng	Kế hoạch vốn kéo dài sang năm 2024			Tỷ lệ chung	Ghi chú
				Số quyết định, ngày tháng năm	Tổng số	Tổng số vốn được giao	Giá trị giải ngân			Tổng số	Giải ngân	Tỷ lệ %		
							Tổng số	Tỷ lệ						
A	NGUỒN HUYỆN QUẢN LÝ				101,700	42,278	32,621	77.16		-	-		77.16	
1	Nguồn ngân sách tập trung (Phân cấp)				19,100	8,078	7,511	92.98		-	-			
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất (Phân cấp)				24,650	10,200	7,032	68.94		-	-			
3	Ngân sách huyện đầu tư cơ sở hạ tầng				57,950	24,000	18,078	75.32		-	-			Sở KH&ĐT không theo dõi
B	NGUỒN TỈNH QUẢN LÝ				349,979	87,216	31,923	36.60		20,001	-	-	29.77	
4	Ngân sách tỉnh				244,084	76,321	31,562	41.35		20,001	-			
5	Ngân sách Trung ương				105,895	10,895	361	3.31		-	-			
C	NGUỒN CHƯƠNG TRÌNH MTQG				272,626	105,398	56,259	53.38		657	227	34.62	53.26	
6	CT MTQG PTKTXH vùng ĐBDTTS				169,783	50,369	30,174	59.91		657	227			
7	Chương trình MTQG XD NTM				102,843	55,029	26,085	47.40		-	-			
Tổng cộng số liệu Huyện theo dõi					724,305	234,892	120,802	51.43		20,658	227	1.10	47.36	
Tổng số vốn Sở KH&ĐT theo dõi					666,355	210,892	102,725	48.71		20,658	227	1.10	44.46	
D	VỐN ĐẦU TƯ (A+B)				451,679	129,494	64,544	49.84		20,001	-	-	43.17	

ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐAM RÔNG

DANH MỤC BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

(Kèm báo cáo số: /BC-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND huyện Đam Rông)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2024	Số vốn đã giải ngân đến tuần trước thời điểm báo cáo	Số vốn giải ngân trong tuần báo cáo	Số vốn đã giải ngân đến thời điểm báo cáo	Tỷ lệ giải ngân (%)	Chủ đầu tư	Khó khăn, vướng mắc	Giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc	Đề xuất kiến nghị đến cấp có thẩm quyền	Ghi chú
			Quyết định đầu tư	Tổng số	Trong đó: NST										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10 = 8 + 9	11 = 10/7	12	13	14	15	16
	<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>666,355</b>	<b>544,842</b>	<b>231,550</b>	<b>75,260</b>	<b>27,691.622</b>	<b>102,952</b>	<b>44.46</b>					
<b>I</b>	<b>Kế hoạch vốn năm 2024</b>			<b>666,355</b>	<b>544,842</b>	<b>210,892</b>	<b>75,033</b>	<b>27,691.622</b>	<b>102,725</b>	<b>48.71</b>					
1	Nguồn ngân sách tập trung (Phân cấp)	Đam Rông		19,100	19,100	8,078	7,511	-	7,511	92.98	Huyện Đam Rông				
2	Nguồn thu tiền sử dụng đất (Phân cấp)	Đam Rông		24,650	24,650	10,200	7,573	(541.152)	7,032	68.94	Huyện Đam Rông				Giảm, do thanh toán tạm ứng
3	Chương trình MTQG			272,626	270,417	105,398	53,705	2,553.132	56,259	53.38					
3.1	CT MTQG PTKTXH vùng ĐBDTTS	Đam Rông		169,783	169,783	50,369	29,421	753.000	30,174	59.91	Huyện Đam Rông				
3.2	Chương trình MTQG XD NTM	Đam Rông		102,843	100,634	55,029	24,284	1,800.132	26,085	47.40	Huyện Đam Rông				
4	Ngân sách tỉnh	Đam Rông		244,084	230,676	76,321	5,882	25,679.642	31,562	41.35					
4.1	XD Hồ thủy lợi Chiềng M'Nom 2, xã Đạ Long, huyện Đam Rông	Đạ Long	2275/QĐ-UBND ngày 08/9/2021	20,000	18,000	4,500	133	-	133	2.96	Ban QLDA ĐTXD&CTCC huyện Đam Rông				
4.2	Xây dựng đường nội thị thuộc quy hoạch chung thị trấn Bằng Lũng (giai đoạn 1)	Rô Men	142/QĐ-UBND ngày 20/01/2022	88,500	79,650	17,394	-	-	-	-	Ban QLDA ĐTXD&CTCC huyện Đam Rông	Vướng vắn bù GPMB nhánh số 02, người dân không đồng ý bàn giao mặt bằng	Chủ đầu tư đang trình phương án đền bù, GPMB		
4.3	Nâng cấp các công trình cấp nước sinh hoạt tại thôn 3, thôn 4, thôn 5 xã Rô Men và thôn 1, thôn 2 xã Liêng Srônh, huyện Đam Rông	Rô Men và Liêng Srônh	2148/QĐ- UBND ngày 15/11/2022	25,584	23,026	8,000	2,334	-	2,334	29.18	Ban QLDA ĐTXD&CTCC huyện Đam Rông				
4.4	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Đạ Rsal - Đạ M'Rông	Đạ Rsal - Đạ M'Rông	2207/QĐ-UBND ngày 09/11/2023	110,000	110,000	46,427	3,415	25,679.642	29,095	62.67	Ban QLDA ĐTXD&CTCC huyện Đam Rông				
5	Ngân sách Trung ương			105,895	-	10,895	361	-	361	3.31					
5.1	Đường từ Trung tâm huyện đi quốc lộ 27	Rô Men	2591/QĐ-UBND ngày 22/10/2021	105,895	-	10,895	361	-	361	3.31	Ban QLDA ĐTXD&CTCC huyện Đam Rông				

II	Kế hoạch vốn năm 2023 kéo dài sang năm 2024			-	-	20,658	227	-	227	1.10					
1	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi	Đam Rông				657	227	-	227	34.62	Huyện Đam Rông				
2	Ngân sách tỉnh			-	-	20,001	-	-	-	-					
2.1	Nguồn vốn ngân sách tập trung			-	-	12,660	-	-	-	-					
	Xây dựng đường cứu hộ, cứu nạn từ QL 27 vào Trung tâm xã Rô Men, huyện Đam Rông	xã Rô Men				12,660	-	-	-	-	Ban QLDA ĐTXD&CTCC huyện Đam Rông	Mới có quyết định chuyển nguồn vốn 2023 sang 2024	Chủ đầu tư đang triển khai thực hiện để giải ngân		
2.2	Nguồn sử dụng đất			-	-	208	-	-	-	-					
	XD đường giao thông vào Khu dân cư Liêng Trang 1,2 và đường ĐT.722 vào khu SX Pó Păng xã Đạ Tông	xã Đạ Tông				102	-	-	-	-	Ban QLDA ĐTXD&CTCC huyện Đam Rông	Mới có quyết định chuyển nguồn vốn 2023 sang 2024	Chủ đầu tư đang triển khai thực hiện để giải ngân		
	Nâng cấp, sửa chữa và xây dựng một số hạng mục thuộc trụ sở Huyện ủy, UBND huyện Đam Rông	xã Rô Men				106	-	-	-	-	Ban QLDA ĐTXD&CTCC huyện Đam Rông	Mới có quyết định chuyển nguồn vốn 2023 sang 2024	Chủ đầu tư đang triển khai thực hiện để giải ngân		
2.3	Nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết			-	-	7,132	-	-	-	-					
	Đầu tư xây dựng 04 trường đạt chuẩn quốc gia tại xã Phi Liêng và xã Đạ K'nang huyện Đam Rông	xã Phi Liêng và xã Đạ K'nang				346	-	-	-	-	Ban QLDA ĐTXD&CTCC huyện Đam Rông	Mới có quyết định chuyển nguồn vốn 2023 sang 2024	Chủ đầu tư đang triển khai thực hiện để giải ngân		
	XD đường liên xã từ xã Rô Men đi xã Liêng Srônh	xã Rô Men và xã Liêng Srônh				3,290	-	-	-	-	Ban QLDA ĐTXD&CTCC huyện Đam Rông	Mới có quyết định chuyển nguồn vốn 2023 sang 2024	Chủ đầu tư đang triển khai thực hiện để giải ngân		
	Xây dựng đường nội thị thuộc quy hoạch chung thị trấn Bắ Lắ (giai đoạn 1)	Rô Men				3,496	-	-	-	-	Ban QLDA ĐTXD&CTCC huyện Đam Rông	Mới có quyết định chuyển nguồn vốn 2023 sang 2024	Chủ đầu tư đang triển khai thực hiện để giải ngân		



PHỤ LỤC III.1: BIỂU TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM GIAI ĐOẠN 2015-2025 TIẾP TỤC THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2020-2025

(Kèm theo Báo cáo số 372 -BC/HU ngày 28 /6/2024 của BTVHU)

STT	Tên công trình, dự án	Quy mô	Thời gian (khởi công - hoàn thành)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Tiến độ, kết quả thực hiện	Ghi chú
1	Đường giao thông từ Brông Rết xã Rô Men đi xã Đạ M'Rông - giai đoạn 2 (Nâng cấp đường ĐT724 đoạn từ Km64+509 đến Km71+170)	6,67km	2022-2024	70,000	Ngân sách tỉnh	Dự án được phê duyệt Chủ trương đầu tư, với tổng mức 70 tỷ đồng. Hiện nay, đang thi công phần mở rộng lề đường và mặt đường	Công trình đã hoàn thành, đưa vào sử dụng
2	Đường cứu hộ cứu nạn từ Quốc lộ 27 vào trung tâm xã Rô Men	Đường khu nhà ở đô thị; dài: 14.143m, gồm 36 đường trục và 01 vòng xoay; mặt đường bê tông nhựa 7cm, cấp phối đá dăm; hệ thống vỉa hè, bó vỉ, thoát nước dọc.	2017-2020	324,000	Ngân sách Trung ương bố trí 200.000 triệu đồng; ngân sách tỉnh bố trí 124.000 triệu đồng.	Dự án đã hoàn thành xong gói thầu số 1. Gói thầu số 2b đang làm phần nền đường. Vốn được bổ sung 25.000 triệu đồng; UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương điều chỉnh thời gian thực hiện đến tháng 9/2024 để tiếp tục triển khai, hoàn thiện dự án (Văn bản số 10346/UBND-KH ngày 21/11/2023)	Đơn vị thi công đang triển khai thực hiện theo số kinh phí được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân năm 2023 sang năm 2024
3	Đập thủy lợi Bằng Lăng	Diện tích tưới 300ha (2 xã Rô Men - Liêng Srônh)	2021-2022	56,000	Ngân sách tỉnh: 52.300 triệu đồng; ngân sách huyện: 3,700 triệu đồng	Công trình đã hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng (Thông báo số 88/TB-SNN ngày 21/9/2023 của Sở Nông nghiệp)	
4	Các hạng mục công trình thuộc Dự án tái định canh, định cư khu Đạ M'Pô (TK176 - xã Liêng Srônh)	127 hộ dân, hình thức bố trí tập trung	2021-2022	84,340	Ngân sách Trung ương: 40.454 triệu đồng; ngân sách tỉnh: 43.886 triệu đồng	Đến nay, cơ bản các hạng mục của dự án đã triển khai thực hiện, còn lại hạng mục Hồ thủy lợi chưa triển khai. UBND tỉnh có Văn bản số 4082/UBND-NN ngày 10/5/2023, yêu cầu huyện Đam Rông kết thúc dự án	Đang rà soát các hạng mục đang thực hiện dở dang, các hạng mục chưa thực hiện; báo cáo UBND tỉnh xem xét theo quy định

STT	Tên công trình, dự án	Quy mô	Thời gian (khởi công - hoàn thành)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Tiến độ, kết quả thực hiện	Ghi chú
5	Trung tâm Thương mại và Chợ Bể Lãng (Dự án Xây dựng quản lý và khai thác chợ trung tâm huyện Đam Rông)	Chợ hạng 2, diện tích 15,561m <sup>2</sup>	2022-2024	224,400	Dự án thu hút đầu tư	Dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 2578/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 đối với Công ty cổ phần Khởi Tạo, tổng mức đầu tư là 224.400 triệu đồng. Tiến độ thực hiện dự án từ tháng 12/2022 đến tháng 11/2025	Dự án đang triển khai công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và đang thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư
6	Bể xe trung tâm huyện	2,1ha	2021-2023	100,000	Dự án thu hút đầu tư	Dự án đã được điều chỉnh vị trí cho phù hợp với quy hoạch chung Thị trấn Bể Lãng. UBND huyện đã giao phòng, ban chuyên môn triển khai lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, lấy ý kiến của các sở, ngành để hoàn thiện, phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện các bước tiếp theo.	Đến nay, dự án chưa có nhà đầu tư quan tâm đến dự án.

**PHỤ LỤC III.2: BIỂU TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ  
TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, GIAI ĐOẠN 2020-2025**  
(Kèm theo Báo cáo số 372 -BC/HU ngày 28 /6/2024 của BTVHU)

STT	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1	Đường xã Đạ Tông, huyện Đam Rông đi xã Đưng K'Nóh, huyện Lạc Dương (Tuyến đường ĐT.722 kết nối tỉnh Lâm Đồng với tỉnh Đắk Lắk)	Dự án nằm trong dự án xây dựng tuyến đường ĐT.729 kết nối tỉnh Lâm Đồng với tỉnh Bình Thuận và tuyến đường ĐT.722 kết nối tỉnh Lâm Đồng với tỉnh Đắk Lắk	600,000	2021-2024	UBND tỉnh đã phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 1238/QĐ-UBND ngày 08/7/2022. Dự án đã khởi công từ tháng 10/2022. Hiện nay, đã thông tuyến; nhà thầu đang thi công xây dựng các hạng mục theo tiến độ đã được phê duyệt; dự án được gia hạn thời gian thực hiện 2021-2025
2	Đường từ trung tâm huyện Đam Rông đi Quốc lộ 27	860m và 1 cầu BTCT + 02 cống hộp	105,985	2021-2024	Dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 210/NQ-HĐND ngày 10/12/2020; tổng mức đầu tư: 105.895 triệu đồng. Kinh phí được cấp là: 95.000 triệu đồng; trong đó; kế hoạch vốn năm 2023, là: 30.000 triệu đồng. Ngày 25/01/2024, UBND tỉnh có Văn bản số 789/UBND-KH về đồng ý chủ trương bổ sung, phát sinh khối lượng với số kinh phí là: 2.714 triệu đồng. Năm 2024, kế hoạch vốn là 10.895 triệu đồng.
3	Ổn định dân di cư tự do khu vực Tây Sơn và Tiểu khu 179, xã Liêng Srônh	192 hộ dân, hình thức bố trí tập trung	159,784	2023-2025	UBND tỉnh đã phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 2888/QĐ-UBND ngày 02/12/2021, với tổng mức đầu tư 159,784 tỷ đồng. Năm 2023, kế hoạch vốn là 10 tỷ đồng; UBND tỉnh đã phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 20/4/2023. Hiện nay, đang thi công xây dựng các hạng mục thuộc gói thầu số 01a (tại khu vực Tiểu khu 179) và gói thầu 01b (tại khu vực Tây Sơn); giá trị giải ngân đạt tỷ lệ 100%.

STT	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
4	Đường giao thông ngoại vùng khu quy hoạch dân di cư tự do khu vực TK 181 xã Liêng Srônh	5km	30,000	2023-2025	Dự án đã được Sở Giao thông vận tải thẩm định; UBND huyện phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở xây dựng tại Quyết định số 2272/QĐ-UBND ngày 24/11/2023; với tổng mức đầu tư là 30.000 triệu đồng, thuộc nguồn vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Năm 2023, kế hoạch vốn được bố trí là 8.000 triệu đồng; giá trị giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn. Năm 2024, dự án được bố trí 12.000 triệu đồng để tiếp tục triển khai thực hiện và dự kiến hoàn thành vào năm 2025.
5	Hoàn thiện hệ thống nước sạch 8/8 xã				
5.1	Nâng cấp công trình nước sinh hoạt thôn 3,4,5 xã Rô Men và thôn 1,2 xã Liêng Srônh	1.450 hộ dân	25,584	2023-2025	Dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư; kế hoạch vốn năm 2023, là 15 tỷ đồng, giải ngân đạt tỷ lệ 100% kế hoạch vốn. Hiện nay, đang thi công xây dựng các hạng mục của công trình theo hợp đồng đã ký kết. Năm 2024, dự án được bố trí 8.000 triệu đồng để tiếp tục triển khai thực hiện và dự kiến hoàn thành vào năm 2024.
5.2	Xây dựng công trình nước sinh hoạt thôn Dơng Glê, xã Phi Liêng		3,250	2024-2025	Hiện nay, các chủ đầu tư đang triển khai thực hiện theo Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND huyện về kế hoạch đầu tư công năm 2024 từ nguồn ngân sách huyện
5.3	Công trình nước sinh hoạt thôn Đạ Mul, Đạ K'Nàng		3,500	2024-2025	
5.4	Nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt xã Đạ Long, huyện Đam Rông		7,000	2024-2025	Theo Thông báo số 343/TB-UBND ngày 15/8/2023 của UBND tỉnh; Sở NN&PTNT đã có Văn bản số 2347/SNN-TL ngày 25/9/2023; UBND huyện đã gửi Tờ trình số 140/TTr-UBND ngày 15/11/2023 và Tờ trình số 57/TTr-UBND ngày 28/5/2024 kèm hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư; gửi Sở KH&ĐT xem xét, thẩm định; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư để triển khai thực hiện.

STT	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
5.5	Công trình nước sinh hoạt xã Đa Tông, huyện Đam Rông		13,000	2024-2025	Theo Thông báo số 343/TB-UBND ngày 15/8/2023 của UBND tỉnh; Sở NN&PTNT đã có Văn bản số 2347/SNN-TL ngày 25/9/2023; UBND huyện đã gửi Tờ trình số 139/TTr-UBND ngày 15/11/2023 và Tờ trình số 58/TTr-UBND ngày 28/5/2024 kèm hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư; gửi Sở KH&ĐT xem xét, thẩm định; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư để triển khai thực hiện.
5.6	Nâng cấp hệ thống đường ống nước sinh hoạt thôn 4, xã Liêng Srônh		454	2024-2025	Hiện nay, chủ đầu tư đang triển khai thực hiện theo Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND huyện
5.7	Nâng cấp công trình nước sinh hoạt thôn 1,2, xã Rô Men	300 hộ dân	18,000	2022-2024	UBND huyện đã có Báo cáo số 204/BC-UBND ngày 11/8/2022, đề xuất Sở KH&ĐT đưa vào Kế hoạch đầu tư công năm 2023. Tuy nhiên, đến nay chưa được phê duyệt
5.8	Nâng cấp công trình nước sinh hoạt thôn 3, xã Đa Rsal	400 hộ dân	8,000	2022-2024	
5.9	Xây dựng nhà máy nước thôn Phi Zút, Păng Pé Năm, Păng Pé Dong, xã Đa Rsal	600 hộ dân	15,000	2023-2025	Theo Thông báo số 343/TB-UBND ngày 15/8/2023 của UBND tỉnh; Sở NN&PTNT đã có Văn bản số 2347/SNN-TL ngày 25/9/2023; UBND huyện đã gửi Tờ trình số 141/TTr-UBND ngày 15/11/2023 và Tờ trình số 56/TTr-UBND ngày 28/5/2024 kèm hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư; gửi Sở KH&ĐT xem xét, thẩm định; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư để triển khai thực hiện.
6	Nâng cấp, mở rộng đường liên xã Đa Rsal - Đa M'Rông	13,1km nâng cấp, mở rộng đường và 2,5 km lề sạt lở	110,000	2023-2025	Dự án đã được HĐND tỉnh phê duyệt Chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 181/NQ-HĐND ngày 12/7/2023; UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 2207/QĐ-UBND ngày 09/11/2023, với tổng mức đầu tư là 110 tỷ đồng, thời gian thực hiện 2023-2025. Năm 2024, dự án được bố trí 46.427 triệu đồng. Hiện nay, Ban QLDA ĐTXD&CTCC đang lựa chọn nhà thầu thi công

STT	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
7	Dự án sắp xếp, ổn định dân di cư tự do khu vực TK 181 xã Liêng Srônh	105 hộ dân, hình thức bố trí tập trung	90,000	2023-2025	Ban QLDA ĐTXD&CTCC huyện đã lập hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư gửi Sở Kế hoạch và đầu tư thẩm định, trình UBND phê duyệt dự án đầu tư (Theo Thông báo số 46/TB-UBND ngày 14/02/2023 của UBND tỉnh)
8	Đường giao thông ngoại vùng khu quy hoạch dân di cư tự do 179 xã Liêng Srônh	17,8km - BTXM dày 20cm	135,000	2023-2025	UBND huyện đã nộp Tờ trình và hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án gửi Sở KH&ĐT xem xét thẩm định và trình HĐND tỉnh đưa vào kế hoạch đầu tư công (Theo Thông báo số 46/TB-UBND ngày 14/02/2023 của UBND tỉnh). Đến nay dự án chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư.
9	Đường giao thông ngoại vùng khu quy hoạch dân di cư tự do Tây Sơn xã Liêng Srônh	10km	75,000	2022-2025	Công trình thuộc Dự án ổn định dân di cư tự do khu vực Tiểu khu 179, khu vực Tây Sơn và 179, xã Liêng Srônh. Ban QLDA ĐTXD&CTCC, đang khảo sát lập hồ sơ để triển khai thực hiện khi được phân bổ kế hoạch vốn
10	Nhà thi đấu đa năng Trung tâm huyện	2.000 chỗ ngồi; diện tích XD 2.204m <sup>2</sup> ; diện tích sân 2.094	49,990	2023-2025	Dự án đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Phụ lục I-04 Nghị quyết số 276/NQ-HĐND ngày 19/4/2024, với tổng mức đầu tư 50.000 triệu đồng, thời gian thực hiện giai đoạn: 2024-2027
11	Hồ thủy lợi thôn Đạ Pin, xã Đạ K'Nàng & Nâng cấp Hồ Đạ Ri Ông - xã Rô Men				
11.1	Dự án Nâng cấp Hồ Đạ Ri Ông - xã Rô Men	DT tưới 178ha	45,000	2023-2025	UBND huyện đã nộp Tờ trình và hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án gửi Sở KH&ĐT xem xét thẩm định và trình HĐND tỉnh đưa vào kế hoạch đầu tư công; tuy nhiên, đến nay dự án chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư.

STT	Danh mục công trình	Quy mô	Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
11.2	Dự án Hồ thủy lợi thôn Đạ Pin, xã Đạ K'Nàng	DT tưới 200ha	31,400	2023-2025	UBND huyện đã nộp Tờ trình và hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án gửi Sở KH&ĐT xem xét thẩm định và trình HĐND tỉnh đưa vào kế hoạch đầu tư công; tuy nhiên, đến nay dự án chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư.
12	Xây dựng Trường TH Đạ K'Nàng	03 khối 24 phòng học; chiều cao 02 tầng; DTXD: 1.728m <sup>2</sup> ; DT sân: 3.350m <sup>2</sup>	54,500	2022-2025	UBND huyện đã nộp Tờ trình và hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án gửi Sở KH&ĐT xem xét thẩm định và trình HĐND tỉnh đưa vào kế hoạch đầu tư công; tuy nhiên, đến nay dự án chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư.
13	Xây dựng đường từ Tỉnh lộ 722 vào thôn Đạ Nhinh 1 + 2, xã Đạ Tông	435m + 2 cầu BTCT	34,410	2022-2025	UBND huyện đã nộp Tờ trình và hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án gửi Sở KH&ĐT xem xét thẩm định và trình HĐND tỉnh đưa vào kế hoạch đầu tư công; tuy nhiên, đến nay dự án chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư.
14	Đường GTNT thôn 3 (Liên Hưng) đi khu dân cư tự do Đạ M'Pô, xã Liêng Srônh	13km - BTXM dày 22cm	95,000	2022-2025	UBND huyện đã nộp Tờ trình và hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án gửi Sở KH&ĐT xem xét thẩm định và trình HĐND tỉnh đưa vào kế hoạch đầu tư công; tuy nhiên, đến nay dự án chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư.
15	Xây dựng Trường MN Bằng Lăng	4 khối 16 phòng học; chiều cao 02 tầng; DTXD: 1.579m <sup>2</sup> ; DT sân: 2.551m <sup>2</sup> .	35,000	2022-2025	UBND huyện đã nộp Tờ trình và hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án gửi Sở KH&ĐT xem xét thẩm định và trình HĐND tỉnh đưa vào kế hoạch đầu tư công; tuy nhiên, đến nay dự án chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư.
16	Gia cố bờ sông Đạ Tế, xã Đạ M'Rông (Giai đoạn 2)	1km	24,200	2022-2025	UBND huyện đã nộp Tờ trình và hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư. Sở KH&ĐT đang rà soát, tham mưu phân bổ vốn dự phòng NSTW năm 2023 để triển khai thực hiện và giải ngân nguồn vốn trong năm 2024 (kế hoạch vốn khoảng 21 tỷ đồng)
17	Kè sạt lở đường vào khu quy hoạch Đạ M'Pô, xã Liêng Srônh	1km	35,000	2022-2025	UBND huyện đã nộp Tờ trình và hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án gửi Sở KH&ĐT xem xét thẩm định và trình HĐND tỉnh đưa vào kế hoạch đầu tư công; tuy nhiên, đến nay dự án chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư.

<b>STT</b>	<b>Danh mục công trình</b>	<b>Quy mô</b>	<b>Tổng mức đầu tư (Triệu đồng)</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Ghi chú</b>
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
18	Xây dựng đường giao thông vào KSX thôn Lăng Tô, xã Đạ K'Nàng	4,5km	14,950	2022-2025	UBND huyện đã nộp Tờ trình và hồ sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án gửi Sở KH&ĐT xem xét thẩm định và trình HĐND tỉnh đưa vào kế hoạch đầu tư công; tuy nhiên, đến nay dự án chưa được phê duyệt chủ trương đầu tư.



### PHỤ LỤC III.3: BIỂU TỔNG HỢP CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HÚT ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2020-2025

(Kèm theo Báo cáo số 372 -BC/HU ngày 28 /6/2024 của BTVHU)

STT	Tên công trình, dự án	Quy mô (ha)	Thời gian (khởi công - hoàn thành)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Tiến độ, kết quả thực hiện	Ghi chú
1	Trạm dừng chân Bằng Lăng ( <b>Dự án đầu tư xây dựng trạm dừng chân và khu dân cư Trung tâm Bằng Lăng, huyện Đam Rông</b> )	8,94ha	2023-2026	312,046	Thu hút đầu tư	UBND huyện đã chỉnh sửa sô sơ đề xuất chủ trương đầu tư dự án (lần 3) và gửi Văn bản số 409/UBND-ĐT ngày 05/3/2024 đề xuất Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định để trình UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư để UBND huyện có cơ sở triển khai thực hiện.	Hiện nay, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ thẩm định để trình UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư
2	Dự án Khu dân cư Đông Nam (khu B), huyện Đam Rông. <b>Dự án Khu dân cư Đông Nam, huyện Đam Rông (giai đoạn 2).</b>	5	2022 - 2025	50,000	Thu hút đầu tư	UBND huyện đã có Tờ trình gửi UBND tỉnh, Sở KH&ĐT xin điều chỉnh danh mục dự án cho phù hợp với quy hoạch chi tiết Trung tâm Thị trấn Bằng Lăng. UBND huyện đã phê duyệt quy hoạch chi tiết 1/500 tại Quyết định số 120/QĐ-UBND ngày 18/01/2019	Đến nay, chưa được phê duyệt điều chỉnh danh mục dự án đầu tư
3	Quy hoạch đầu tư xây dựng khu dân cư phía Bắc thị trấn Bằng Lăng	5.6	2022 - 2025	65,000	Thu hút đầu tư	UBND huyện đã phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 18/01/2019.	Nhà đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ đề xuất dự án đầu tư, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét, thẩm định

STT	Tên công trình, dự án	Quy mô (ha)	Thời gian (khởi công - hoàn thành)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Tiến độ, kết quả thực hiện	Ghi chú
4	Quy hoạch đầu tư xây dựng khu dân cư xã Đạ Rsal	36.5	2022 - 2025	385,000	Thu hút đầu tư	Phòng Tài chính - Kế hoạch đã chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Ban QLDA ĐTXD&CTCC hoàn thiện hồ sơ Đề xuất thực hiện dự án đầu tư	Hiện nay, chưa có nhà đầu tư quan tâm đến dự án. Do đó, khó khăn trong việc triển khai thực hiện
5	Quy hoạch đầu tư xây dựng khu dân cư xã Đạ Tông	8.06	2022 - 2025	80,000	Thu hút đầu tư	UBND huyện đã chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ đề xuất thực hiện dự án đầu tư gửi Sở KH&ĐT xem xét thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư (Tờ trình số 1114/UBND-ĐT ngày 28/5/2024)	Hiện nay, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ thẩm định để trình UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư
6	Quy hoạch đầu tư xây dựng khu dân cư xã Phi Liên	26	2022 - 2025	300,000	Thu hút đầu tư	UBND huyện đã chỉnh sửa, bổ sung Hồ sơ đề xuất thực hiện dự án đầu tư gửi Sở KH&ĐT xem xét thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư (Tờ trình số 1115/UBND-ĐT ngày 28/5/2024)	Hiện nay, Sở Kế hoạch và Đầu tư đang hoàn thiện hồ sơ thẩm định để trình UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư
7	Trung tâm dịch vụ Thương mại - Tín dụng - Ngân hàng và Vui chơi giải trí Bằng Lãng	0.41	2023 - 2025	100,000	Thu hút đầu tư	UBND huyện giao 'Ban QLDA ĐTXD&CTCC phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch; Tài nguyên - Môi trường lập thủ tục, quy trình đấu giá quyền sử dụng đất (hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư) theo quy định.	Đang làm thủ tục thanh lý tài sản để làm thủ tục thu hồi đất và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định.
8	Dự án xử lý rác thải khu vực Rô Men	5.3	2023 - 2025	60,000	Thu hút đầu tư	UBND huyện đã giao phòng, ban chuyên môn lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, lấy ý kiến của các sở ngành và đơn vị có liên quan; hoàn thiện, trình phê duyệt để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo	Đang lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; tuy nhiên chưa có nguồn kinh phí để thực hiện

STT	Tên công trình, dự án	Quy mô (ha)	Thời gian (khởi công - hoàn thành)	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)	Nguồn vốn	Tiến độ, kết quả thực hiện	Ghi chú
9	Khu du lịch sinh thái thác Bảy Tầng	36.4	2023 - 2025	100,000	Thu hút đầu tư	UBND huyện đã giao phòng, ban chuyên môn lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, lấy ý kiến của các sở ngành và đơn vị có liên quan; hoàn thiện, trình phê duyệt để có cơ sở triển khai các bước tiếp theo	Đến nay, chưa có nhà đầu tư quan tâm đến các dự án này; do đó, tiến độ triển khai thực hiện bị chậm so với kế hoạch đã đề ra.
10	Xây dựng sân Golf, làng đô thị xanh ven hồ và du lịch sinh thái rừng trên địa bàn xã Đạ Tông, huyện Đam Rông	486	2023 - 2025	1,215,000			
11	Cụm công nghiệp Liêng Srônh	35.4	2023 - 2025	200,000			







**PHỤ LỤC IV: TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ HUYỆN NÔNG THÔN MỚI NĂM 2024**

*(Kèm theo Báo cáo số 372-BC/HU, ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ban Thường vụ Huyện ủy)*

**Các chỉ tiêu của Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025**

- 1. Có 100% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025): **Hiện nay, đã có 6/8 xã đạt chuẩn nông thôn mới**
- 2. Có ít nhất 10% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025): **Đã có xã Đạ Rsal; dự kiến năm 2024 có thêm xã Rô Men, Đạ K'Nàng đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.**
- 3. Có 100% số thị trấn trên địa bàn đạt chuẩn đô thị văn minh: **Do huyện chưa có thị trấn nên đã đạt.**
- 4. Tỷ lệ hài lòng của người dân trên địa bàn đối với kết quả xây dựng nông thôn mới của huyện đạt từ 90% trở lên (trong đó có tỷ lệ hài lòng của người dân ở từng xã đối với kết quả thực hiện từng nội dung xây dựng nông thôn mới đạt từ 80% trở lên).
- 5. Đạt các tiêu chí huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, bao gồm:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Thực hiện đến 29/02/2024	Thời gian hoàn thành	Ghi chú
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn	Đạt	Đạt		
		1.2. Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt	≥01 công trình	Đạt		
		2.1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm	Đạt	Đạt		
		2.2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch	100%	Cứng hóa 38,39/38,39 km; đạt tỷ lệ 100%		

2	Giao thông	2.3. Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường	$\geq 50\%$	<b>10,23/38,39 km, đạt tỷ lệ 26,65%, Chưa đạt</b>	UBND huyện chỉ đạo thực hiện hoàn thành trước ngày 30/11/2024	
		2.4. Bến xe khách tại huyện đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên	Đạt	<b>Có quy hoạch nhưng chưa khởi công, Chưa đạt</b>	UBND huyện chỉ đạo thu hút thu hút, lựa chọn nhà đầu tư theo quy định ngày 30/10/2024	
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch	Đạt	Đạt		
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Đạt		
4	Điện	Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống	Đạt	Đạt		
5	Y tế - Văn hóa - Giáo dục	5.1. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn	Đạt	Đạt		
		5.2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã	Đạt	Đạt		
		5.3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên	$\geq 60\%$	2/3 trường, tỷ lệ 66,66%, Đạt		
		5.4. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1, hoặc đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục thông qua các thiết chế giáo dục khác được giao chức năng, nhiệm vụ giáo dục thường xuyên trên địa bàn	Cấp độ 1	Đạt		
		6.1. Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn	Đạt	<b>Chưa đạt</b>	UBND huyện chỉ đạo lập quy hoạch chi tiết; đưa vào kế hoạch đầu tư công và bố trí nguồn lực trước tháng 7/2024 và giao cho cơ quan chuyên môn thực hiện	
		6.2. Có mô hình chợ đảm bảo an toàn thực phẩm theo hướng dẫn	Đạt	<b>Chưa đạt</b>	UBND huyện đôn đốc, hướng dẫn chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công sớm hoàn thành Chợ Trung tâm huyện	



6	Kinh tế	6.3. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện	Đạt	Đạt		
		6.4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả hoặc đơn vị chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả	Đạt	Đạt		
7	Môi trường	7.1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp $\leq 50\%$ tổng lượng phát sinh	Đạt	<20 %, Đạt		
		7.2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	$\geq 40\%$	>80%; Đạt		
		7.3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên	$\geq 01$ mô hình	<b>Chưa đạt</b>	UBND huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện hoàn thành trước tháng 10/2024	
		7.4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt áp dụng biện pháp phù hợp	$\geq 01$ công trình	<b>Chưa đạt</b>	UBND huyện chỉ đạo đưa vào kế hoạch đầu tư công, bố trí nguồn lực trước tháng 7/2024 và giao cho cơ quan chuyên môn tổ chức thực hiện	
		7.5. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu	Đạt	<b>Chưa đạt</b>	UBND huyện chỉ đạo đơn vị chuyên môn phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan để thực hiện đồng bộ theo quy định, trong đó: phải đảm bảo yêu cầu về tỷ lệ đất trồng cây xanh từ 10% trở lên	
		7.6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2\text{m}^2/\text{người}$	4,5 m <sup>2</sup> /người; Đạt		
		7.7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 50\%$	> 65%; Đạt		
		7.8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định	100%	<b>100%; Đạt</b>	UBND huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện hoàn thành trước tháng 10/2024	
		8.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	$\geq 12\%$	22,7%, Đạt		
		8.2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	$\geq 35\%$	57,1%, Đạt		

8	Chất lượng môi trường	8.3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện	Đạt	<b>Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 18/01/2024 Đạt</b>	UBND huyện tiếp tục quan tâm chỉ đạo chỉ đạo để thực hiện các nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch số 13/KH-UBND nêu trên, cụ thể: Thống kê, đánh giá, giảm thiểu và xử lý nước thải xả vào môi trường nước mặt; Quan trắc, đánh giá chất lượng nước, trầm tích, môi trường thủy sinh của nguồn nước mặt và công khai thông tin phục vụ quản lý, khai thác và sử dụng nước mặt đối với những khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao; Xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi và cải thiện môi trường nước mặt bị ô nhiễm trên địa bàn	
		8.4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn	Đạt	Đạt		
		8.5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	Đạt		
9	Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công	9.1. Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt		
		9.2. Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%	Đạt		
		9.3. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	Không	<b>Chưa đạt</b>	UBND huyện chỉ đạo chỉ đạo đội ngũ lãnh đạo quản lý từ huyện đến cơ sở nâng cao tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, quyết tâm chính trị cao trong thực hiện nhiệm vụ bảo đảm hiệu quả, chặt chẽ, đúng các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, hạn chế sai sót	
		9.4. Đảm bảo an ninh, trật tự	Đạt	Đạt		
		9.5. Có dịch vụ công trực tuyến một phần	Đạt	Đạt		
		9.6. Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt		

- **Tổng cộng Huyện đạt 5/9 tiêu chí huyện nông thôn mới với tổng số chỉ tiêu đạt là 28/36 chỉ tiêu.**

- **4 tiêu chí/8 chỉ tiêu chưa đạt, cụ thể:**

1. Tỷ lệ đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến  $\geq 50\%$ ;
2. Bến xe khách tại huyện đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên;
3. Cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật;
4. Có mô hình chợ đảm bảo an toàn thực phẩm theo hướng dẫn;
5. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên;
6. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt áp dụng biện pháp phù hợp;
7. Cụm công nghiệp trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu;
8. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.